

MỤC LỤC

TÚ XƯƠNG	6
Phần I: Tự trào.....	7
Tự cười mình	7
Ta chẳng ra chi.....	8
Hỏi mình.....	9
Hỏi đùa mình	10
Cảm hứng.....	11
Quan tại gia	12
Thói đời	13
Mùa nực áo bông.....	14
Thái vô tích	15
Than thân chưa đạt.....	16
Đi thi nói nông	17
Thầy đồ dạy học.....	18
Đi thi.....	19
Phú hỏng khoa Canh Tý (1900).....	20
Phần II: Phong nguyệt tình hoài giang hồ khí cốt.....	22
Tết dán câu đối	22
Ba cái lẳng nhăng.....	23
Thú cô đầu.....	24
Tết tặng cô đầu	25
Đi hát mất ô	26
Không chiều đãi.....	27
Hỏi ông trời	28
Tự đắc	29
Chú Mán.....	30
Nghèo mà vẫn vui.....	31

áo bông che bạn	32
Hoá ra dưa.....	33
Gửi người cũ (1).....	34
Nhớ bạn phương trời (1).....	35
Cái nhớ.....	36
Hỏi ông trăng	37
Chiêm bao.....	38
Văn tế sống vợ (1).....	39
Phú thầy đồ dạy học.....	41
Phần III: Nỗi đời	43
Thương vợ.....	43
Khóc em gái.....	44
Than nghèo.....	45
Một nén tâm hương.....	46
Gần tết, than việc nhà	47
Đau mắt.....	48
Thề với người ăn xin.....	49
Than cùng.....	50
Đêm hè.....	51
Chợt giấc.....	52
Dạ hoài.....	53
Đêm dài	54
Thiếu nữ đi tu	55
Viếng bạn	56
Cảm tết	58
Lấy lẽ	59
Vị hoàng hoài cổ.....	60
Sông Lấp (1).....	61
Than đạo học (1)	62
Chữ nho	63
Hồng thi khoa Quý Mão (1903).....	64
Buồn thi hồng	65
Hễ mai tở hồng.....	66
Tết cô đầu.....	67
Lụt năm Bính Ngọ (1906).....	68

Mưa tháng bảy.....	69
Đại hạn	70
Gửi ông thủ khoa Phan (1).....	71
Câu đối tết.....	72
Câu đối than thân	73
—Phần IV: Tấn trò đời.....	74
Đất Vị Hoàng.....	74
Vì tiền	75
Đồng tiền	76
Tiền sĩ giấy	77
Chế ông đốc học (1).....	78
Bốn tri phủ Xuân Trường	79
Chế ông huyện Đ (1).....	80
Ông Hàn (1).....	81
Ông ấm	82
Đùa bạn ở tù.....	83
Bợm già (1)	84
Đạo đức giả.....	85
Ông Hàn bị vợ dọa bỏ	86
Sư ở tù.....	87
Con buôn.....	88
Nước buôn.....	89
Chửi cậu ấm	90
Mồng hai tết viếng cô Kí (1)	91
Thông gia với quan	92
Lên đồng.....	93
Sư ông và mấy ả lên đồng.....	94
Than sự thi.....	95
Năm mới	96
Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu (1897).....	97
Giễu người thi đỗ	98
Khoa Canh Tý ⁽¹⁾	99
Bác cử nhu.....	100
Ông cử Ba.....	101
Ông tiền sĩ mới.....	102

Không học văn Tây	103
Đôi thi.....	104
Ông cử thứ năm.....	105
Mừng ông lang	106
Mừng ông cử lấy vợ kế	107
Kể lai lịch (1).....	108
Để vợ chơi nhăng	110
Mẹ vợ với chàng rể.....	111
Phòng không (1).....	112
Cô Tây đi tu.....	113
Bốn ông ám Diêm	114
Nhà nho giả danh.....	115
Phố Hàng Song.....	116
Ông cò	117
Cô hầu trách quan lớn	118
Hót của trời	119
Ngày xuân của làng thơ.....	120
Năm mới chúc nhau	121
Xuân.....	123
Hát tuồng	124
Phường nhơ (1).....	125
NGUYỄN KHUYẾN.....	126
Thơ Nôm	127
Về hay ở	127
Trở về vườn cũ.....	128
Uống rượu ở vườn Bùi.....	129
Nghe hát đêm khuya.....	130
Tự trào	131
Tự thuật.....	132
Ngày xuân dặn các con	133
Lên lão	134
Ông phong đá.....	135
Ông phong đá.....	136
Anh giả điếc.....	138
Chế ông đồ Cự Lộc.....	139

Mẹ mốc.....	140
Mừng con dựng được nhà.....	141
Vịnh tiên sĩ giấy	142
Lời vợ anh phường chèo	143
Bồ tiên thi (1).....	144
Vịnh núi An Lão	145
Nhớ cảnh chùa Đọi	146
Chợ Đồng.....	147
Chơi chợ trời Hương Tích.....	148
Chơi núi Non Nước (1)	149
Than mùa hè.....	150
Vịnh mùa hè.....	151
Thu vịnh	152
Thu điều	153
Thu ẩm.....	154
Thầy đồ ve gái góa.....	155
Muốn lấy chồng.....	156
Mừng ông nghề mới đổ.....	157
Hỏi thăm quan tuần mất cướp	158
Tặng đốc Hà Nam.....	159
Đĩ cầu Nôm (1).....	160
Mừng đốc học Hà Nam.....	161
Hội Tây	162
Hoài cổ (1).....	163
Cuộc kêu cảm hứng	164
Chôn quê.....	165
Than nợ.....	166
Nước lụt Hà Nam	167
Vịnh lụt.....	168
Bạn đến chơi nhà.....	169
Lụt hỏi thăm bạn.....	170
Tặng bà Hậu Cẩm (1).....	171
Lấy Tây	172
Khóc Dương Khuê.....	173

TÚ XƯƠNG

Nằm nghe tiếng trống canh ba
Vừa giấc chiêm bao chợt tỉnh ra
Thiên hạ dễ thường đang ngủ cả
Việc gì mà thức một mình ta

(Tú Xương)

Phần I: Tự trào

Tự cười mình

I

ở phố Hàng Nâu (1) có phổng sành
Mặt thời lơ lảo, mắt thời xanh (2)
Vuốt râu nịnh vợ, con bu nó
Quắc mắt khinh đời, cái bộ anh.
Bãi bạc kiệu cờ cao nhất xứ
Rượu chè trai gái đủ tam khoanh.
Thế mà vẫn nghĩ rằng ta giỏi
Cứ việc ăn chơi, chẳng học hành.

II

Lúc túng toan lên bán cả trời
Trời cười : thằng bé nó hay chơi ...
Cho hay công nợ là như thế
Mà vẫn phong lưu suốt cả đời .
Tiền bạc phó cho con mụ kiếm (3)
Ngựa xe chẳng thấy lúc nào ngơi.
Còn dăm ba chữ nhồi trong ruột
Khéo khéo không mà nó cũng rơi.

(1) Phố Hàng Nâu (Nam Định) nơi Tú Xương ở.

(2) Có bản chép: "mắt thời nhanh".

(3) Con mụ: chỉ vợ nhà thơ (nói bỡn)

Ta chẳng ra chi

Nếu có khôn ngoan đã vợ nhờ,
Dại mà nhờ vợ, vợ làm ngơ.
Sáng nem, bữa tối đòi ăn chả,
Nay kiệu, ngày mai lại giở cờ.
Ngồi đấy chả hơn gì chú Cuội
Nói ra thì thẹn với ông Tơ
Nhấn nhẹ chốn ấy tìm nơi khác
Ta chẳng ra chi, chớ đợi chờ !

Hỏi mình

Trải mấy mươi năm vẫn thế ru?
Rằng khôn, rằng dại, lại rằng ngu?
Những là thương cả cho đời bạc
Nào có căm đâu đến kẻ thù?
No ấm chưa qua vành mẹ đi
Đỗ đành may khỏi tiếng cha cu
Phen này có dễ trời xoay lại
Thằng bé con con đã chán cù.

Hỏi đùa mình

Ông có đi thi kí lục không?
Nghe ông quốc ngữ đọc chưa thông.
Vĩ dù nhà nước cho ông đồ
Mỗi tháng lương ông được mấy đồng ?

Cảm hứng

Xấp xỉ ba mươi mấy tuổi đầu
Trăm năm tính đót hầy còn lâu.
Vĩ cho thi đồ làm quan lớn
Thì cũng nhỏ to cười chị hầu.
Đất nọ vẫn thường hay có chạch (1)
Bể kia có lúc cũng trồng dâu (2)
Hôm nay rồi rãi buồn tình nhĩ
Thử xuống Hàng Thao đập ngón châu (3)

(1) Tục ngữ "đất sỏi chạch vàng", ý nói đất tâm thường vẫn có thể sinh người tài giỏi.

(2) Do câu "biển xanh biến thành nương dâu" (thương hải biến vi tang điền).

(3) Hàng Thao, nơi có xóm cô đầu.

Quan tại gia

Một ngọn đèn xanh, mấy quyển vàng (1)
Bốn con làm tính, bố làm quan.
Câu thơ câu phú: sưu cùng thuế,
Nghiên mực nghiên son : tổng với làng (2)
Nước, quạt chưa xong, con nhảy ngựa (3)
Trống hầu vừa dứt, bố lên thang (4)
Hỏi ra quan ấy ăn lương... vợ
Đem chuyện trăm năm giở lại bàn. (5)

- (1) Quyển vàng: sách quý của quan.
(2) Cảnh chơi trò làm quan : gọi thơ phú là "sưu thuế", gọi mực, son là "việc tổng việc làng".
(3) Con chưa quạt bếp nấu xong nước đã đi chơi trò "nhảy ngựa" (nhảy lên lưng nhau)
(4) Đến giờ làm việc thì bố lên gác.
(5) Việc "quan" té ra toàn tâm sự với vợ nhà về những chuyện đời muôn thuở.

Thói đời

Người bảo ông điên, ông chẳng điên
Ông thương ông tiếc hoá ông phiền .
Kẻ yêu người ghét, hay gì chữ (1)
Đứa trọng thằng khinh, chỉ vị tiền.
ở bề ngậm ngùi cơn tới lạch (2)
Được voi tấp tễnh lại đòi tiên.
Khi cười khi khóc khi than thở
Muốn bỏ văn chương học võ biên!

(1) Biết gì chuyện chữ nghĩa !

(2) Tục ngữ : ở bề vào ngòi.

Mùa nực áo bông

Bức sốt nhưng mình vẫn áo bông.
Tưởng rằng ôm dậy, hoá ra không !
Một tuồng rách rưới, con như bố
Ba chữ nghêu ngao, vợ chán chồng.
Đất biết bao giờ sang vận đỏ,
Trời làm cho bố lúc chơi nông.
Gần chùa gần cảnh ta tu quách,
Cửa phận quanh năm sẵn áo sông.

Thái vô tích

Trời đất sinh ra chán vụn nghề
Làm thầy, làm thợ, lại làm thuê.
Bác này mới thật thái vô tích :
Sáng vác ô đi, tối vác về !

(1) Tác giả tự giấu mình

Than thân chưa đạt

Ta phải trang xong cái nợ ta,
Lẽ đâu chịu nợ mãi ru mà ?
Đường con, bu nó một năm một
Tính tuổi nhà thầy : ba lẻ ba.
Mở mặt quyết cho vua chúa biết,
Đua danh kéo nữa mẹ cha già !
Năm nay ta học, năm sau đỗ,
Chẳng những Lương Đường có thủ khoa (1)

(1) Lương Đường : tên làng của vợ tác giả, (Hải Dương) có nhiều người thi đỗ.

Đi thi nói nông

Ông trông lên bảng thấy tên ông (1)
Ông tợp rượu vào, ông nói nông.
Trên bảng năm hai thầy cử đội (2)
Bốn kì mười bảy cái ưu thông (3)
Xướng danh tên gọi trên mình tượng (4)
 ăn yến xem ra có thịt công.
 Cụ xứ (5) có cô con gái đẹp
 Lăm le xui bố cưới làm chồng !

- (1) Tác giả tưởng tượng một cách "nông".
(2) Lệ thi chỉ lấy đậu có 50 cử nhân, mà trên bảng lại có 52 vị cử nhân đứng dưới tác giả ! (nói nông).
(3) Cả bốn kì, tôi đã mới có 16 điểm ưu (ưu thông) mà tác giả được những 17 điểm !
(4) Người xướng danh thí sinh thi đỗ, ngồi trên mình voi.
(5) Cụ Hàn Doãn Trực, đỗ đầu xứ, có 2 con gái đẹp, đang kén chồng đỗ cử nhân.

Thầy đồ dạy học

Có một cô lái nuôi một thầy đồ (1)
Quần áo rách rưới, ăn uống xô bồ (2)
Cơm hai bữa : cá kho, rau muống;
Quà một chiều (3) : khoai lang, lúa ngô.
Sao dám khinh mình : "Thầy đâu thầy bậy thầy bạ" ?
Chẳng biết trọng đạo, cô (4) gì : " cô lốc, cô lô " !

- (1) Cô lái : chỉ vợ (bổn). Thầy đồ : tác giả.
(2) ăn uống cầu thả, không kén chọn .
(3) Tức một buổi, một lần, một bữa.
(4) Cô (vai trò vợ của thầy).

Đi thi

Tấp tễnh người đi tớ cũng đi,
Cũng lều cũng chõng cũng vào thi .
Tiền chân, cô (1) mất hai đồng chẵn,
Sờ bụng : thầy không một chữ gì !
Lộc nước còn mong thêm giải ngạch (2)
Phúc nhà nay được sạch trường qui.
Ba kì chọn vẹn thêm kì nữa,
ú ớ u ơ ngọn bút chì. (3)

(1) Tức vợ tác giả

(2) Mong lấy thêm người đỗ

(3) Từ 1897, kì thứ tư "quốc ngữ" viết các chữ như a, ă, â, v.v... nhà nho dùng bút chì vẽ các chữ này, vừa tức cười, vừa tủi nhục.

Phú hồng khoa Canh Tý (1900)

Đau quá đòn hằn ;

Rát hơn lửa bỏng.

Hổ bút hổ nghiên ;

Tủi lều tủi chông.

Nghĩ đến chữ "lương nhân đắc ý" (1) thêm nổi then thùng ;

Ngắm đến câu "quyển thổ trùng lai" (2) nói ra ngập ngọng.

Thế mới biết học tài thi phận, miệng đàn bà con trẻ nói vậy mà
thiêng ;

Nào ai ngờ chữ tốt văn hay, tài bảng nhãn thám hoa lỡ ra cũng hồng.

Có một thầy :

Dốt chẳng dốt nào ;

Chữ hay, chữ lỏng.

Nghiện chè nghiện rượu, nghiện cả cao lâu

Hay hát hay chơi, hay nghề xuống lỗ. (3)

Quanh năm phong vận, áo hàng tàu, khăn nhiều tím, ô lục soạn
xanh (4) ;

Ra phố nghênh ngang, quần tổ nữ, bút tất tơ, giày Gia Định bóng.

Giá cứ chăm nghề đèn sách thì mười lăm mười sáu đổ tự bao giờ ;

Chỉ vì quen lối thị thành, nên một tuổi một già, hoá ra lóng đống.

Tú rốt bảng giữa năm Giáp Ngọ, nổi tiếng tài hoa ;

Con nhà dòng ở đất Vị Xuyên, ăn phần cảnh nong (5)

Năm vua Thành Thái mười hai ;

Lại mở khoa thi Mĩ Trọng (6)

Kì đệ tam văn đã viết rồi ;

Bảng đệ tứ chưa ra còn ngóng.

Thầy chắc hẳn văn chương đúng mực, lễ thánh xem giò ;

Cô mừng thầm mũ áo đến tay, gặp người nói mộng.

Sáng đi lễ phật, còn kì này kì nữa là xong ;

Đêm dậy vái trời, qua mông bốn mông năm cho chóng.

Nào ngờ :

Bảng nhỏ có tên

Ngoại hàm còn trống. (7)

Kẻ đến sáng văn còn được chấm, bảng cốt nghênh ngang ;

Người ngồi khuya tên hãy được vào, áo dài lưng thụng.

Thi là thế, học hành là thế, trò chuyện cùng ai ?

Người một nơi, hồn phách một nơi, than thân với bóng !

Thôi thời thôi :

Sáng vở mập mờ ;

Văn chương lóng ngóng.

Khoa trước đã chầy ;

Khoa sau ắt chóng.

Hắn có kẻ lo toan việc nước, vua chữa dùng tài ;

Hay không ai dạy dỗ đàn con, trời còn bắt hồng !

(1) Người lành đặc ý (tin tưởng vận may)

(2) Phản công lại.

(3) Xuống lỗng : Xuống thuyền (chơi bời, hát xướng).

(4) Ô lục soạn : ô bằng vải nhiều lụa.

(5) Cảnh nong : khoanh thịt ở cổ súc vật được làm thịt, dành cho vị chức sắc.

(6) Nơi đặt trường thi.

(7) Túc bị đánh hồng (vi phạm trường qui hoặc nộp quyển chậm).

Phần II: Phong nguyệt tình hoài giang hồ khí cốt

(Tắm tình trăng gió, cốt cách giang hồ)

Tết dán câu đối

Nhập thế cục bất khả vô văn tự, (1)
Chẳng hay ho cũng húng hắng một vài bài
Huống thân danh đã đỗ tú tài
Ngày tết đến cũng phải một vài câu đối.

Đối rằng :

Cực nhân gian chi phẩm giá, phong nguyệt tình hoài
Tối thể thượng chi phong lưu, giang hồ khí cốt. (2)
Viết vào giấy dán ngay lên cột
Hỏi mẹ mày rằng dốt hay hay ?
Thưa rằng : hay thực là hay !
Chẳng hay sao lại đỗ ngay tú tài ?
Xưa nay em vẫn chịu ngài (3)

- (1). Bước vào đời không thể không chữ nghĩa.
(2). Cái phẩm giá tột cùng ở cõi người là tắm tình với trăng gió. Sự phong lưu bậc nhất trên cõi đời là cốt cách giang hồ.
(3). Câu "chịu ngài" của bà Tú hàm cả hai ý :
chịu văn chương ngài hay và chịu cái tính "ngông" của ngài nữa !

Ba cái lăng nhăng

Một trà một rượu một đàn bà
Ba cái lăng nhăng nó quấy ta.
Chừa được cái gì hay cái nấy,
Có chẳng chừa rượu với chừa trà !

Thú cô đầu

Cái thú cô đầu nghĩ cũng hay,
Cùng nhau đan díu mấy đêm ngày.
Năm canh to nhỏ tình dơi chuột,
Sáu khắc mơ màng chuyện nước mây.
Êm ái cung đàn chen tiếng hát
La đà kẻ tỉnh dất người say.
Thú vui chơi mãi mà không chán,
Vô tận kho trời hết lại vay.

Tết tặng cô đầu

Ngày xuân mừng quý khách
 Khi vui, lộ đàn phách !
Chuyện nở như pháo rang
Chuyện dai như chảo rách,
 Đổ cả bốn chân giường
 Xiêu cả một bức vách !

Đi hát mất ô

Đêm qua anh đến chơi đây
Giày chân anh dận, ô tay anh cầm.
Rạng ngày sang trống canh năm
Anh dậy, em hãy còn nằm trơ trơ.
Hỏi ô, ô mất bao giờ,
Hỏi em, em cứ ồm ờ không thưa.
Chỉ e rày gió mai mưa
Lấy gì đi sớm về trưa với tình ?

Không chiều đãi

Rước phải cô đào mới tẻo teo
Rác tai đà lắm sự ì èo
Cầm kì thi tửu, vui ra phá (1)
Điền sản tư cơ mấy cũng nghèo.
Bạn ác không vay mà thúc lãi (2)
Thói thành, dầu lịch cũng thành keo. (3)
Thôi thôi xin kiếu cô từ đây
Chiều đãi thì tôi cũng... vào đèo.

- (1). Chuyện cô "đào non" có thói vòi tiền quá thể, nên vui hoá ra phá tán.
(2). Cô nàng như người bạn ác, thúc tiền như thúc lãi nợ.
(3). Người thị thành lịch sự cũng phải xử keo.

Hỏi ông trời

Ta lên ta hỏi ông trời
Trời sinh ta ở trên đời biết chi ?
Biết chăng, cũng chẳng biết gì !
Biết ngồi Thống Bảo, biết đi ả đầu (1)
Biết thuốc lá, biết chè Tàu,
Cao lâu biết vị, hồng lâu biết mùi.

(1). Thống Bảo : một sông bạc của Hoa Kiều.

Tự đắc

Ta nghĩ như ta có đại gì ?
Ai chơi, chơi với, chẳng cần chi !
Kìa thơ tri kỉ, đàn anh nhất,
Nọ phách phong lưu, bậc thù nhì.
Ăn mặc vẫn ra người thiệp thế,
Giang hồ cho biết bạn tương tri.
Gặp thời gặp vận nên bay nhảy
Cho thoả rằng sinh chẳng lỗi thì !

Chú Mán

Phong lưu nhất ai bằng chú Mán (1)
Trong anh em chúng bạn kém thua xa.
Buổi loạn li bốn bể không nhà
Rằng chẳng nhuộm, vợ chẳng lấy, lựa là chẳng mặc.
Mán chỉ làm đủ tiền tiêu vật
Khi cao lâu, khi cà phê, khi nước đá,
khi thuốc lá, khi đủng đỉnh ngồi xe
Sự đời Mán chẳng buồn nghe.

(1) Chú Mán : một người đến ở Nam Định, làm nghề chở lợn thuê ở chợ Vị Hoàng. Nhưng tính cách có nhiều nét lạ, như một kẻ ngông và phớt đời. Tú Xương nhân lấy chú làm nhân vật trong thơ của mình.

Nghèo mà vẫn vui

Kể xuất thế, ai bằng anh Mán (1)
Trải mùi đời khôn chán, giả làm ngây.
Hổ sinh ra lúc thời này,
An thân mệnh thế, giấu tay anh hùng.
Không danh cho dễ vấy vùng
Mình không phú quý, mất không công hầu.
Khi để chỏm, lúc cạo đầu,
Nghêu ngao câu hát nửa Tàu nửa ta.
Không đội nón, chịu màu da dãi nắng,
Chẳng nhuộm răng, để trắng dễ cười đời.
Chôn quyền môn luôn cúi mặt ai ai
Ngoài cương toả thanh thoi ai đã biết ?
Chỉ ẩm ớ, giả cầm giả điếu
Cứ vui tràn khi hát khi ngâm
Trên đời mấy mặt tri âm !

(1) Tác giả mượn anh Mán để lồng cái tính cách của mình vào, tạo thành một thứ "nhân vật của thời đại" : có phẩm chất nhưng bất phùng thời, trở nên ngang tàng, kiêu hãnh và ngông.

áo bông che bạn

Ai ơi, còn nhớ ai không ?
Trời mưa một mảnh áo bông che đầu.
Nào ai có tiếc ai đâu ?
áo bông ai ướt khăn đầu ai khô ?
Người đi Tam Đảo, Ngũ Hồ
Kẻ về khóc trúc than ngô một mình
Non non nước nước tình tình
Vì ai ngơ ngẩn cho mình ngẩn ngơ...

(1) Nguyễn Công Hoan đã phân tích bài thơ và khẳng định "bạn" đây là một cô gái. Các cụ phụ lão ở Vị Xuyên cũng xác nhận đây là bài thơ tình tác giả viết cho bà Hai Dích (tức bà Côn), con gái tiến sĩ Nguyễn Công Độ. Hai người yêu nhau từ hồi còn trẻ, nhưng không lấy được nhau vì gia đình ông Nghè không thuận. Mãi sau này hai người vẫn lưu luyến nhau và bài thơ này ghi lại một kỉ niệm lúc đã muộn mằn.

Hoá ra dưa

Ước gì ta hoá ra dưa
Để cho người tắm nước mưa chậu đồng !
Ước gì ta hoá ra hồng
Để cho người bế người bông trên tay !

Gửi người cũ (1)

Yêu nhau chẳng lấy được nhau nào
Mình nghĩ làm sao, tớ nghĩ sao ?
Trai gái bởi tay bà mẹ nặn
Vợ chồng nguyên mối chị Hằng trao (2)
Xa đi ngán nỗi lòng thương nhớ
Gần lại càng thêm dạ khát khao.
Bến Vị non Nùng xa cách mấy (3)
Mà không buộc chặt sợi tơ đào ?

(1) Tức cô Tuyết, một cô đầu Hà Nội.

(2) Tức bà Nguyệt.

(3) Bến Vị Hoàng (Nam Định) và núi Nùng (Hà Nội).

Nhớ bạn phương trời (1)

Ta nhớ người xa cách núi sông
Người xa xa lắm, nhớ ta không ?
Sao đang vui vẻ ra buồn bã ?
Vừa mới quen nhau đã lạ lòng !
Khi nhớ nhớ cùng trong mộng tưởng,
Nỗi riêng riêng cả đến tình chung.
Tương tư lọ phải là mưa gió (2)
Một ngọn đèn xanh trông điểm thung.

(1) Có người nói đây là bài thơ nhớ Phan Bội Châu.

(2) Có bản chép "tra gái".

Cái nhớ

Cái nhớ hình dung nó thế nào ?
Khiến người trong dạ ngẩn ngơ sao !
Biết nhau cho lắm thêm buồn nhĩ
Để khách bên trời dạ ước ao !

Hỏi ông trăng

Ta lên ta hỏi ông trăng
Hoạ là ông có biết chẳng sự đời !
Ông cao ông ở trên trời
Mà ông soi khắp nước người nước ta.
Năm châu cũng một ông mà
Kể riêng thì lại mỗi nhà mỗi ông.

Chiêm bao

Bỗng thấy chiêm bao thấy những người
Thấy người nói nói lại cười cười.
Tỉnh ra lại tiếc người trong mộng
Mộng thế thì bằng tỉnh mấy mươi.

Văn tế sông vợ (1)

Con gái nhà dòng, lấy chồng kẻ chợ
Tiếng có miếng không, gặp chẳng hay chớ (2)
Mặt nhẵn nhụi, chân tay trắng trẻo, ai dám chê rằng béo rằng lùn ?
Người ung dung, tính hạnh khoan hoà, chỉ một bệnh hay gần hay dở.
Đầu sông bãi bến, đua tài buôn chín bán mười
Trong họ ngoài làng, vụng lẽ chào dơi nói thợ (3)
Gần xa nô nức, lắm gái nhiều trai
Sớm tối khuyên răn, kẻ thầy người tớ.
Ông (4) tu tác cửa cao nhà rộng, phó mặc tay dâu,
Anh (5) lăm le bia đá bằng vàng, cho vang mặt vợ

Thế mà:

Mình bỏ mình đi, mình không chịu ở
Chẳng nói chẳng rằng, không than không thở.
Hay mình thấy tớ: nay Hàng Thao, mai phố Giấy mà bụng mình
ghen ?
Hay mình thấy tớ : sáng Tràng Lạc, tối Viễn Lai, mà lòng mình sợ ?
(6)
Thôi thôi chết quách yên mô, sống càng nặng nợ
Chữ nhất phẩm ơn vua vinh tứ (7) ngày khác sẽ hay,
Duyên trăm năm ông Nguyệt xe dây, kiếp này đã lỡ.
Mình đi tu cho thành tiên thành phật, để rong chơi Lãng Uyển Bồng
Hồ, (8)
Tớ nuôi con cho có rể có dâu, để trọn vẹn đạo chồng nghĩa vợ.

(1) Nhà thơ chơi bởi phòng túng, tốn tiền, bà Tú giận doạ tự tử. Nhà thơ nhân đó làm bài văn tế này bày tỏ nỗi cảm thông với vợ.

- (2) ý nói được sao hay vậy.
 - (3) Tức thật thà thẳng thắn, không thối lợ.
 - (4) Ông: tức cha của nhà thơ.
 - (5) Anh : tức nhà thơ
 - (6) Hàng Thao (Nam Định), phố Giấy (Hà Nội), có nhà hát cô đầu nổi tiếng.
 - Tràng Lạc, Viễn Lai : Hai hiệu cao lâu nổi tiếng ở Nam Định.
 - (7) Một mơ ước "viễn tưởng".
 - (8) Các chốn tiên cảnh (thần thoại Trung Hoa)
-

Phú thầy đồ dạy học

Thầy đồ thầy đạ
Dạy học dạy hành
Vài quyển sách nát
Dăm thằng trẻ ranh
Văn có hay đã đỗ làm quan, võng điều võng tía,
Số có giỏi đã ra giúp nước, khổ đỏ khổ xanh.
ý hẩn thầy văn dốt vũ dất, vả lại vừa gàn vừa dở,
Cho nên thầy lẫn quẩn loanh quanh.
Trông thầy
Con người phong nhã
ở chốn thị thành,
Râu rậm bằng chổi
Đầu to tày giành.
Cũng lắm phen đi đó đi đây, thất diên bát đảo,
Cũng nhiều lúc chơi liều chơi lĩnh, tứ đốm tam khoanh.
Nhà lính tính quan, ăn rất những lạp xường, mặc rất những quần
vân áo xuyên,
Đất lề quê thói, chỗ ngồi cũng án thư, bàn đọc, ngoài hiên cũng cánh
xếp mảnh mảnh.
Gần có một mụ
Sinh được bốn anh :
Tên Ưng, tên Bái
Tên Bột, tên Bành.
Mẹ muốn con hay, rắp một nổi biển cờ mũ áo,
Chủ rước thầy học, tính đủ tiền chè rượu cơm canh.
Chonh ngày lễ bái
Mở cửa tập tành.
Thầy ngồi chễm chệ
Trò đứng xung quanh.

Dạy câu Kiều lấy,
Dạy khúc lí kinh
Dạy những khi xuống ngựa lên xe, đứng ngồi phải phép,
Dạy những lúc cao lâu chiều hát, ăn nói cho sành... (1)

(1) Đủ thấy "chương trình" dạy của thầy đồ có một không hai này
"phá cách" đến mức nào!

Phần III: Nỗi đời

Thương vợ

Quanh năm buôn bán ở mom sông (1)
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng
Eo xèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên hai nợ, âu đành phận.
Năm nắng mười mưa, dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc ! (2)
Có chồng hờ hững cũng như không !

(1) Tức sông Vị (Nam Định)

(2) Tác giả tự trách mình một cách chua chát, đồng thời cũng chửi vào mặt đời bạc bẽo.

Khóc em gái

Mệnh sao bạc thế hỡi em ơi !
Hai bốn hai lăm, cũng một đời.
Bảng Hồ vừa treo, cầu Thước bắc, (1)
Cành hoa đã rụng, phím đàn rơi.
Cây tương tư héo, chồng râu rĩ
Thuyền độ sinh đưa, phật rước mời.
Những muốn dựng bia làm kỉ niệm,
Lòng anh thương xót biết bao người !

(1) Chồng vừa thi đỗ cử nhân (thi hương). Cầu Thước : Cầu ô Thước bắc cho Ngưu - Chức gặp nhau (ý nói em gái lấy chồng chưa bao lâu).

Than nghèo

Cái khó theo nhau mãi thế thôi,
Có ai, hay chỉ một mình tôi ?
Bạc đâu ra miệng mà mong được ?
Tiền chữa vào tay đã hết rồi !
Van nợ lắm khi tràn nước mắt,
Chạy ăn từng bữa mướt mồ hôi.
Biết thân, thỏ trước đi làm quách,
Chẳng kí, không thông, cũng cậu bồi !

Một nén tâm hương

Im ỉm thâm đêm lại thẳm ngày (1)
Bệnh đâu có bệnh lạ lòng thay !
Thuốc thang nghĩ lại chua mà đắng
Đường mật xem ra ngọt hoá cay.
Lắm bệnh, bạn bè đi lại ít,
Nặng lòng, họ mặc hỏi han đầy.
Chỉ bền một nén tâm hương nguyện
Thuốc thánh, bùa tiên ắt chẳng chầy.

(1) Tác giả ốm nặng đã lâu.

Gần tết, than việc nhà

Bố ở một nơi con một nơi
Bấm tay tháng nữa hết năm rồi.
Văn chương ngoại hạn, quan không chấm (1)
Nhà cửa giao canh, nợ phải bồi (2)
Tin bạn hoá ra người thất thố (3)
Vì ai nên nổi quyển đâm vôi (4)
Ba mươi một tuổi đà bao chốc
Lặn lội trèo non đã mấy hồi.

(1) Bài này làm vào năm Canh Tí, 1900, sau khi tác giả thi trượt, vì nộp quyển chậm phần phúc hạch quốc ngữ.

(2) Nhà cửa thế chấp vay nợ, nay phải giao cho nhà chức trách phát mãi.

(3) Tác giả tin bạn nên cho mượn nhà thế chấp, rút cuộc... mất nhà !

(4) Quyển đâm vôi : Bài thi hỏng được cho vào cối giã với vôi để... làm giấy !

Đau mắt

Vui chẳng riêng ai, ôm một mình,
Hỏi ai, ai cũng chỉ mần thính.
Vừa đồng bạc lớn, ông lang Sán (1)
Lại mấy hào con, chú ích Sinh (1)
Hỏi vợ, vợ còn đi chạy gạo,
Gọi con, con mãi đứng chơi đình.
Muốn mù trời chẳng cho mù nhỉ ?
Gương mắt trông chi buổi bạc tình ?

(1) Hiệu thuốc bắc.

Thề với người ăn xin

Người đói, ta đây cũng chẳng no,
Cha thằng nào có, tiếc cho không ! (1)
Họ đầy đoạ mãi dân cày cuốc,
Ai xét soi cho cảnh học trò !
Mong được cơm no cùng áo ấm .
Gặp toàn nắng lửa với mưa gio.
Miếng ăn đến miệng là thừa kiện (2)
Lúa rữ chân dê chưa được vò.

(1) Một câu chửi thề rất chi "dân dã", cũng là một câu chửi bọn giàu có keo kiệt.

(2) Nạn kiện tụng nhau dưới thời thực dân phong kiến, làm khốn cùng thêm cuộc sống của nông dân.

Than cùng

Khách hỏi nhà ông đến
Nhà ông đã bán rồi.
Vợ lăm le ở vú,
Con tập tễnh đi bồi.
Ai chới voi bỏ rọ ? (1)
Đời nào lợn cạo ngói ? (2)
Người bảo ông cùng mãi
Ông cùng thế này thôi !

(1) Tục ngữ, nói sự bó buộc vô lí.

(2) Do câu sấm kí : "Bao giờ cho lợn cạo ngói, cho gà cắt cánh vua tôi sẽ về" ý nói bao giờ "đổi đời" ?

Đêm hè

Trời không chớp bể với mưa nguồn,
Đêm nào đêm nao tố cũng buồn.
Bồi rồi tình duyên cơn gió thoảng
Nhạt nhèo quang cảnh bóng trăng sông.
Khăn khăn áo áo thêm rầy chuyện,
Bút bút nghiên nghiên khéo gỡ tuồng.
Ngủ quách, sự đời thây kẻ thức
Bên chùa chú trọc đã hồi chuông.

Chợt giấc

Nằm nghe tiếng trông trông canh ba
Vừa giấc chiêm bao chợt tỉnh ra.
Thiên hạ dễ thường đang ngủ cả
Việc gì mà thức một mình ta ?

Dạ hoài

Kìa cái đêm nay mới gọi đêm !
Mất gương, trong bụng ngủ không thềm.
Tình này ai tỏ cho ta nhỉ ?
Tâm sự năm canh một ngọn đèn.

Đêm dài

Sực tỉnh trông ra ngõ sáng loà,
Đêm sao đêm mãi thế ru mà ?
Lạnh lòng bốn bề ba phần tuyết
Xao xác năm canh một tiếng gà.
Chim chóc hãy còn nường cửa tổ
Bướm ong chưa thấy lượn vườn hoa.
Nào ai là kẻ tìm ta đó
Đốt đuốc mà soi kéo lẫn nhà !

Thiếu nữ đi tu

Con gái nhà ai đáng thị thành,
Cớ chi nữ phụ cái xuân xanh ?
Nhặt màu son phấn, say màu đạo,
Mở cánh từ bi, khép cánh tình.
Miệng đọc nam vô quên chín chữ (1)
Tay lần tràng hạt phụ ba sinh (2)
Tiếc thay thực nữ hồng nhan thế,
Nỡ cạo đầu thề với quyển kinh ! (3)

(1) Chín chữ cù lao : công ơn cha mẹ .

(2) Duyên nợ vợ chồng.

(3) Tú Xương cũng như Hàn Mặc Tử ... các thi nhân đều "cám" trước cảnh các cô gái chôn vùi tuổi xuân để đi tu.

Viếng bạn

Đêm qua trần trọc không yên
Vắng người cùng bạn bút nghiên sao đành ?
Ngựa xe là thói tỉnh thành
Nào người vui thú học hành là ai ?
Nhớ khi thảo sách soạn bài
Tựa trong khóm trúc, dạo ngoài hồ sen.
Ngâm ngùi dưới nguyệt trước đèn,
Ta vui ai biết, ta phiền ai hay ?
Của trời như nước như mây
Lũ ta như đại như ngậy như khờ (2)
Đi đâu một bước một chờ
Vắng nhau một khắc một giờ khôn khuây.
Tháng năm tết đến sau này
Cùng ai lên núi hái cây xương bồ ? (3)
Há rằng thiếu nếp, không bồ ?
Tri âm đã vắng, Bồng Hồ cũng thôi ! (4)
Qua năm hương, hội đến rồi (5)
Cùng ai vượt bể tới nơi kinh kì ?
Dấu cho vui thú phụng trì (6)
Khi vui mà vắng cố tri thêm sầu.
Bạn đà, chưa dễ tìm nhau
Bạn nghiên bạn bút có đâu được nhiều ?

(1) Tức ông Phạm Tuấn Phú.

(2) Vì không biết bon chen về đồng tiền.

- (3) Giống cỏ mọc trên khe núi, hái về làm thuốc.
- (4) Nếp : cái ruộng, cái tráp đựng đồ ý câu : Không phải vì thiếu phương tiện mà không đi du chơi cảnh đẹp.
- (5) Kỳ thi hương đã qua, sắp tới kỳ thi hội.
- (6) Hồ Phụng Trì : hồ đẹp trong cung vua.
-

Cảm tết

Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo !
Tiền bạc trong kho, chứa lĩnh tiêu.
Rượu cúc nhẩn đêm, hàng biếng quẩy,
Trà sen mượn hỏi, giá còn kiêu.
Bánh đường sắp gói, e nồm chảy,
Giò lụa toan làm, sợ nắng thiu
Thôi thế thì thôi, đành tết khác,
Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo !

Lấy lễ

Cha kiếp sinh ra phận má hồng !
Khéo thay một nỗi lấy chung chồng !
Mười đêm chị giữ mười đêm cả
Suốt tháng em nằm suốt tháng không.
Hầu hạ đã toan phần cát lũy (1)
Nhặt khoan còn ỏm tiếng Hà Đông (2)
Ai về nhẩn bảo đàn em bé
Có ế thì tu, chớ chớ chung ! (3)

(1) Cát lũy : dây leo.

(2) Sư tử Hà Đông (vợ cả ghen)

(3) Có thể coi bài này là bài "hậu làm lễ" sau bài thơ "Kẻ đắp chẻ òn
bông, kẻ lạnh lòng" của Hồ Xuân Hương.

Vị hoàng hoài cổ

Nô nức qua chơi thú Vị Hoàng (1)
Này nơi phong vận đất nhiều quan (2)
Trời kia khiến vậy : sông nên bãi
Ai khéo xoay ra phố nửa làng.
Khua gõ trống chuông, chùa vẫn nức,
Xi xèo tôm tép, chợ hầu tan.
Việc làng quan lớn đi đâu cả ?
Chỉ thấy năm ba bác xã bàn. (3)

(1) Vị Hoàng : sông chảy qua Nam Định. Sau do phù sa bồi đắp, sông thành đồng rồi phố xá mọc lên.

(2) Đất này có nhiều người đỗ đạt làm quan.

(3) Tình trạng ngưng trệ tiêu điều của Vị Hoàng lúc đó.

Sông Lấp (1)

Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai.
Vẳng nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.

(1) Một đoạn sông Vị Hoàng bị lấp.

Than đạo học (1)

Đạo học ngày nay đã chán rồi,
Mười người đi học, chín người thôi
Cô hàng bán sách lim dim ngủ,
Thầy khoa tư lương (2) nháp nhồm ngồi.
Sĩ khí rụt rè, gà phải cáo,
Văn trường liêu lĩnh, đấm ăn xôi
Tôi đâu dám mĩa làng tôi nhỉ ? (3)
Trình có ông tiên thứ chỉ tôi. (4)

(1) Tức Hán học. Từ 1900 thực dân Pháp bắt sửa chương trình thi cử, bớt chữ Hán, tăng quốc ngữ.

(2) Tức thầy khoá dạy tư.

(3) Làng tôi : tức làng nho.

(4) Tiên chỉ, thứ chỉ : chức sắc của vị có khoa bảng ở địa phương.

Chữ nho

Nào có ra gì cái chữ nho !
Ông nghề ông công cũng nằm co.
Chi bằng đi học làm ông phán
Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò !

Hồng thi khoa Quý Mão (1903)

Trách mình phận hẩm lại duyên ôi !
Đỗ suốt hai trường (1) hồng một tôi !
"Tế" đổi làm "Cao" (2) mà chó thể !
"Kiện" trông ra "Tiệp" hỡi trời ôi !
Mong gì nhà nước còn thi nữa,
Biết rõ anh em chẳng chắc rồi.
Mũ áo biển cờ, làng có đất,
Ô hay ! Hương vận mãi chưa hồi !

(1) Trường thi Hà Nội và Nam Định sáp nhập.

(2) Tác giả đổi Trần Tế Xương thành Trần Cao Xương, để mong thi đỗ.

Buồn thi hỏng

Bụng buồn còn muốn nói năng chi ?
Đệ nhất buồn là cái hỏng thi.
Một việc văn chương thôi cũng nhảm
Trăm năm thân thể có ra gì !
Được gần trường ốc vùng Nam Định
Thua mãi anh em cánh Bắc Kỳ.
Rõ thực nôm hay mà chữ tốt
Tám khoa chưa khỏi phạm trường qui (1)

(1) Trường qui : Các luật lệ phải theo lúc làm quyền (như kiêng các tên húy của họ nhà vua ...). Tú Xương lận đận về khoa cử tới tám lần, tức trên 20 năm.

Hễ mai tứ hổng

Hễ mai tứ hổng, tứ đi ngay !
Giỗ tết từ đây nhớ lấy ngày !
Học đã sôi cơm nhưng chưa chín
Thì không ăn ớt thế mà cay !
Sách đèn phó mặc đèn con trẻ
Thưng đấu nhờ trông một mẹ mày.
"Cổng hỉ", "mét xì" thông mọi tiếng (1)
Chẳng sang Tàu cũng téch sang Tây

(1) Cổng hỉ : tiếng chào (Quảng Đông)

Mét xì : tiếng chào (Pháp)

Tết cô đầu

Chị hỏi chị, năm nay túng lắm,
Biết làm sao ? Tết đến nơi rồi !
Mới ngày nào chị mua muối cùng tôi
Ngoảnh mặt lại hàng vôi nay đã bán (1)
Này nụ, này hoa, này hài, này hán
Pháo, tranh Tàu, Hương Cỏ mới sang
Chị cùng em sắm sửa lo toan
Muốn mua chịu, sợ nhà hàng lại lạ.
Chị em ta cùng nhau giữ giá
Đến bây giờ ngã cả chẳng ai nâng.
Cũng liều bán vẩy chơi xuân

(1) Do câu "đầu năm mua muối, cuối năm mua vôi" (mua muối để cầu mong sự mặn mà; mua vôi để dọn sửa tết).

Lụt năm Bính Ngọ (1906)

Thử xem một tháng mấy lần mưa
Ruộng hoá ra sông, nước trắng bờ
Bát gạo Đồng Nai kinh chuyện cũ (1)
Con thuyền quý tị nhớ năm xưa (2)
Trâu bò buộc cẳng coi buồn nhỉ ?
Tôm tép vả mình đã sướng chưa !
Nghe nói miền Nam trời đã hạn
Sao không san sẻ nước cho vừa ?

(1) Gạo phát chẩn ở Bắc Kỳ năm trước nhân nạn đói. Gạo bị mốc mà dân nghèo chen nhau tới lãnh vô cùng cực khổ.

(2) Lụt năm 1893 rất lớn ở Bắc Kỳ.

Mưa tháng bảy

Sang tuần tháng bảy tiết mưa ngâu
Nắng mãi thì mưa cũng phải lâu.
Vạc nọ cầm canh thay trống mõ,
Rồng kia phun nước tưới hoa màu.
 ỳ ào tiếng học nghe không rõ
 Mát mẻ nhà ai ngủ hảnh lâu.
Ông lão nhà quê tang tảng dậy
Bảo con mang đó chớ mang gầu.

Đại hạn

Dạo này đá chảy với vàng trôi (1)
Thiên hạ mong mưa đứng lại ngời
Ngày trước biết gì ! ăn với ngủ
Bây giờ lo cả nước cùng nôi.
Trâu mừng ruộng nẻ cày không được
Cá sợ ao khô vượt cả rồi.
Tình cảnh nhà ai nông nổi ấy
Quạt mo phe phẩy một mình tôi.

(1) ý nói quá nóng nực

Gửi ông thủ khoa Phan (1)

Mấy năm vượt bể lại trèo non
Em hỏi thăm qua bác hãy còn.
Mái tóc giáp thìn đà điểm tuyết (2)
Điểm đầu canh tí chứa phai son (3)
Vá trời gặp hội, mây năm vẽ (4)
Lấp bể ra công, đất một hòn (5)
Có phải như ai mà chẳng chết ?
Giương tay chống vững cột càn khôn .

(1) Phan Bội Châu

(2) Năm 1904, Phan Bội Châu xuất dương.

(3) Năm 1900, Phan Bội Châu đỗ thủ khoa ở Nghệ An.

(4) Mây ngũ sắc tượng trưng cho vua : cụ Phan đã được vua Cường Để sang Nhật.

(5) Chim tinh vệ lấp bể : ý nói khó thành công.

Câu đối tết

Thiên hạ xác rồi, còn đốt pháo (1)
Nhân tình trắng thế, lại bôi vôi. (2)

*

- Không dư, xuân đến chi nhà tở?
- Có nhẽ trời mà đóng cửa ai!

*

Nực cười thay : Nêu không, pháo không, vôi bột cũng không, mà tết;
Thôi cũng được : Rượu có, nem có, bánh chưng cũng có, thừa chơi!

*

Xuân về chớ để xuân đi, thương kẻ quạt nồng cùng ấp lạnh (3)
Năm mới khác gì năm cũ, van người bán muối với mua vôi. (4)

(1) Do câu "Tan như xác pháo"

(2) Cuối năm đón tết, người ta rắc vôi bột trước nhà thành hình cánh cung, nỏ, giáo để trừ ma quỷ.

"Nhân tình" ở đây có nghĩa : "cảnh người" tức cảnh sống gieo neo khốn khó của con người thời ấy.

"Trắng" : bạc phếch, kiệt quệ.

(3) Giữ xuân cho khỏi hè nồng (quạt) và đông rét (ấp lạnh).

(4) "Đầu năm mua muối, cuối năm mua vôi".

Câu đối than thân

Nợ có chết ai đâu, chửi chó mắng mèo eo óc;
Trời để sống ta mãi, lên xe xuống ngựa có phen.

*

Trúc báo bình an, nữ để vun trồng bên kẻ ngách;
Cò nhiều văn tự (1), cớ sao lặn lội ở bờ sông?

(1) Cò "giàu" vì bán nhiều rượu cho vạc, có văn tự đeo ở cổ? (truyện cổ tích).

Phần IV: Tấn trò đời

Đất Vị Hoàng

Có đất nào như đất ấy không ?
Phố phường tiếp giáp với bờ sông.
Nhà kia lỗi phép con khinh bố,
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.
Keo cú người đâu như cút sắt
Tham lam chuyện thỏ những hơi đồng.
Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh
Có đất nào như đất ấy không ?

(1) Vùng đất có sông Vị Hoàng chảy qua (thuộc tỉnh Nam Định trước đây), quê hương của Tú Xương.

Vì tiền

Vì chưng chẳng có hoá ra hèn
Hổ với anh em chúng bạn quen.
Thuở trước chơi bởi còn quyến luyến,
Bây giờ đi lại dám mon men !
Giàu sang, âu yếm, tình quen thuộc,
Bần tiện, thờ ơ, dạ bạc đen.
Vĩ khiến trong tay tiền bạc có
Nói dơi nói chuột, chán người khen.
Nào có cầu đâu, được tự nhiên!
ý hẩn nhà nho sang vận đỏ,
Hay là con tào thủ người đen?
Bắt được đồng tiền
Đầu năm ra cửa được đồng tiền,
Muốn đem trả nợ đòi nhà lại
Hay để làm lương giúp nước liền?
Của cải vua ta đâu sẵn thế!
Chữ đề TỰ ĐỨC hãy còn nguyên! (1)

(1) Rõ ràng tác giả giễu cợt ông vua "hùng mạnh" này.

Đồng tiền

Phàm kim chi nhân, duy tiền nhi dĩ (1)
Hết tiền tiêu, trắng sĩ cũng nằm co !
Chẳng đại khôn cũng chẳng thân sơ,
Có hơi kềm, tha hồ ngang ngửa !

Thơ rằng :

Toán lai thế sự kim năng ngữ
Thuyết đạo nhân tình kiếm dục minh (2)
Dơ dáž thay những mặt tài tình
Co quáp lắm cũng ra hình thủ lỗ (3)
Tiền dẫu hết, hết rồi lại có
Chữ bất nhân tạc đó không mòn.
Ai ơi giữ lấy lòng son !

(1) Người đời nay, thường chỉ tiền mới có thể .. . (giải quyết được mọi sự)

(2) Tính lại việc đời thì vàng (tiền) có thể biết nói năng.
Nói đến nhân tình (cảnh con người) lưỡi kiếm muốn kêu lên.

(3) ý nói : kể cả những kẻ tài tình mà ham hố với đồng tiền quá cũng thành kẻ ki bo, bần thủ.

Tiến sĩ giấy

Ông đỗ khoa nào, ở xứ nào
Thế mà hoa, hốt, với râu, bào? (1)
Mỗi năm mỗi tết trung thu đến
Tôi vẫn quen ông, chẳng muốn chào.

(1) Trang phục của tiến sĩ giấy : hoa cài mũ, hốt (thẻ bằng ngà cầm tay), râu (cài tóc), bào (áo thụng).

Chế ông đốc học (1)

Ông về đốc học đã bao lâu,
Cờ bạc rong chơi rặt một màu!
Học trò chúng nó tội gì thế
Để đến cho ông vớ được đầu?

(1) Đốc học Nam Định lúc bấy giờ.

Bốn tri phủ Xuân Trường

Tri phủ Xuân Trường (1) được mấy niên
Nhờ trời hạt ấy cũng bình yên.
Chữ "thôi" chữ "cứu" không phê đến,
Ông chỉ quen phê một chữ "tiền"!

(1) Phủ Xuân Trường thuộc tỉnh Nam Định. Tri phủ nguyên là bạn Tú Xương, sau khi làm quan đâm ra quen thói ăn tiền.

Chế ông huyện Đ (1)

Thánh cất ông vào chủ việc thi(2)
Đêm ngày coi sóc chốn trường qui.
Chẳng hay gian dối vì đâu vậy ?
Bá ngọ (3) thằng ông biết chữ gì !

(1) Ông huyện Đ được cử làm chủ một kì thi khảo của hội thánh thành Nam.

(2) Việc cử ông chủ thi thông qua cuộc lễ thánh (xin quẻ)

(3) Bá Ngọ : tiếng chửi của nhà sư.

Ông Hàn (1)

Hàn lâm tu soạn (2) kém gì ai ?
Đủ cả vung, nồi, cả công chai (3)
Ví thử quyển thi ông được chấm
Đù cha đù mẹ đù riêng ai !

(1) Tức hàn Triệu, vốn chỉ là tay nấu rượu, buôn bán, chạy được chút phẩm hàm.

(2) Chức tu thư, ngang hàng thất phẩm.

(3) Tu soạn gì ? Tu soạn toàn dụng cụ . . . nấu rượu !

Ông ấm

ấm không ra ấm, ấm ra... nôi,
ấm chạy lăng quăng ấm chẳng ngồi.
Chán cả đồ chuyên cùng chén mẩu (2)
Luộc giò, ninh thịt, lại đồ xôi !

(1) Gọi "ông ấm" vì con nhà dòng dõi.

(2) Đáng lẽ "ấm" là vật dụng quý sang, chỉ để pha trà. Nhưng ấm "nôi" này không : "đánh bạn" với các thứ chén tách, mà hoàn toàn làm việc ninh nấu của .. . nôi.

Đùa bạn ở tù

Cái cách phong lưu, lộ phải cầu !
Bỗng đâu gặp những chuyện đầu đầu,
Một ngày hai bữa cơm kê cửa,
Nửa bước ra đi, lính phải hầu.
Trong tỉnh, mấy toà quan biết mặt
Ban công ba chữ gác ngang đầu. (1)
Nhà vuông thông thả nằm chơi mát,
Vùng vẫy tha hồ thế cũng âu !

(1) Ban công ba chữ : ba chữ khẩu, tạo thành hình cái gông.

Bợm già (1)

Thầy thầy tứ tứ, phố xênh xang,
Thoạt nhác trông ra ngõ cóc vàng.
Kiện hết sở Tuần, vô sở Sứ
Khi thì thầy số, lúc thầy lang.
Công nợ bớp bơ hình chúa Chổm,
Phong lưu đài các giống ông hoàng.
Phong lưu như thế phong lưu mãi
Điều ống, xe dài độ mấy gang ?

- (1) Một tay bợm đóng nhiều vai, thầy lang, thầy bói, thầy dùi.
(2) Tên này thường luôn lọt vào các công sở để xui nguyên giục bị kiện nhau.

Đạo đức già

Hỏi lão đâu ta ? Lão ở Liêm
Trông ra bóng dáng đã hom hem.
Lẳng tai, non nước nghe chùng nặng (1)
Chớp mắt trắng hoa, giả cách nhèm (2)
Cũng đã sư mô cùng đưa trẻ (3)
Lại còn tấp tễnh với đàn em.
Xuân thu ướm hỏi đà bao tá ?
Cái miếng phong tình vẫn chữa khem.

(1) Nặng tai.

(2) Giả mắt kèm nhèm để sán lại nhìn gái.

(3) Ra vẻ mô phạm với người ít tuổi.

Ông Hàn bị vợ dọa bỏ

Ông đã ơn vua một chữ "hàn" (1)
Nay lành mai võ khéo đa đoan !
Được thua hai ngả, ba câu chuyện
Khôn dại trăm năm một tiếng đàn.
Chim chuột sau này, nên gắng sức ..
Lợn gà thừa ấy đã nên oan.
Có ai làm thủng, ông không biết, (2)
Còn phải mang điều với gái ngoan.

(1) Tức chữc "hàn lâm". Trong bài thơ tác giả chơi chữ với nghĩa "hàn gấm", kể cả hàn gấm "tình" lẫn hàn "xoong nồi".

(2) Tài của ông "hàn" chỉ có thể biết xoong nồi lành hay thủng, còn ... gái thì ông chịu không biết được gì ...

Sư ở tù

Quảng đại từ bi cũng phải tù
Hay là sư cũng vụng đường tu ?
Tụng kinh cứu khổ ba trăm quyển
ý hẳn còn quên một phép phù ? (1)

(1) Tức bùa chú.

Con buôn

Ai đẩy ai ơi khéo hợm mình !
Giàu thì ai trọng, khó ai khinh ?
Thằng Ngô mất gánh, say câu chuyện
Chú lái nghiêng thoi mắc giọng tình (1)
Có khéo có khôn thì có của,
Càng già càng trẻ lại càng xinh.
Xuống chân lên mặt ta đây nhỉ ? (2)
Chẳng biết rằng dơ dáng đại hình !

- (1) Anh chủ thuyền mắc giọng tình của ả con buôn xảo quyệt này mà nghiêng thuyền cập tới đổ của cho ả.
(2) Xuống chân lên mặt : vênh váo kiêu căng với mọi người.

Nước buôn

Nước buôn như chị mới ăn người
Chị thấy ai ru ? Chị cũng cười !
Chiều khách quá hơn nhà thổ ế,
Đắt hàng như thể mớ tôm tươi.
Tiền hàng kẻ thiếu, mi thường đủ,
Giá gạo đâu năm, đấy vẫn mười.
Thả quýt nhiều anh mong mắm ngấu,
Lên rừng mà hỏi chú đười ươi ! (1)

(1) "Đười ươi giữ ống" bị lừa.

Chửi cậu ấm

Ấm Kỉ này đây, tớ bảo này :
Cha con mày phải cái này cay !
Thôi đừng điệu tráp nghênh ngang nữa,
Thằng tiểu Phù Long nó chửi mày. (1)

(1) Tác giả chơi chữ : "chửi mày" nghĩa là .. . "đùm. mày !".

Mồng hai tết viếng cô Kí (1)

Cô Kí sao mà đã chết ngay ?
Ô hay, trời chẳng nể ông Tây !
Gái tơ đi lấy làm hai họ
Năm mới vừa sang được một ngày.
Hàng phố khóc bằng câu đối đỏ, (2)
Ông chồng thương đến cái xe tay ! (3)
Gớm gan cho những cô con gái
Còn rủ rê nhau lấy các thầy !

(1) Cô Kí : vợ hai của một ông Kí mở hiệu xe tay, được chồng sai đi giao dịch với tên cầm Tây để kiếm lợi.

(2) Vì ngày tết nên hàng phố đều sẵn câu đối đỏ, (để vui xuân) và nhân tiện để .. . khóc cô Kí).

(3) ý nói : ông chồng thương xót cô Kí thì ít mà thương cái .. .xe tay (từ nay không ai lo) thì nhiều !

Thông gia với quan

Gái goá đem mình tựa cửa quan (1)
Nghĩ rằng quan lớn thế thì sang.
Thương con, toan lấy dây tơ buộc
Kén rể vì tham cái lọng tàn.
Nào có ra chi phường khố lựa (2)
Thôi thì cũng tủi kiếp hồng nhan.
Cậu này ắt hẳn hay nghề sáo
Dây vũ dây văn vụng ngón đàn. (3)

(1) Một mụ goá muốn thông gia với "quan", bèn gả con gái cho một "quan" nghiện thuốc phiện và đang xuống dốc !

(2) Phường khố lựa : chỉ quan lại một cách khinh bỉ.

(3) Quan này chỉ quen thổi sáo (ngậm tẩu hút thuốc phiện).

Lên đồng

Khen ai khéo vẽ sự lên đồng
Một lúc lên ngay sáu bảy ông (1)
Sát quỷ, ông dùng thanh kiếm .. . gõ,
Ra oai, bà giắt cái .. . khế ã hong.
Cô giương tay ấn, tan tành núi,
Cậu chỉ ngọn cờ cạm róc sông.
Đồng giỏi sao đồng không giúp nước ?
Hay là đồng sợ sủng thần công ?

(1) Một giá đồng do một vị thần linh nào đó nhập vào. Người lên đồng lần lượt "hầu" hàng chục giá (ông, bà, cô, cậu v.v...)

Sư ông và mấy ả lên đồng

Chẳng khôn gì hơn cái nợ chồng! (1)
Thà rằng bạn quách với sư xong!
Một thằng trọc tuếch ngồi khua mõ,
Hai ả tròn xoe đứng múa bông.
Thấp thoáng bên đèn lên bóng cậu (2)
Thướt tha dưới án nguyệt sư ông.
Chị em thủ thủ đêm thanh vắng :
"Chẳng sướng gì hơn lúc thượng đồng!" (3)

(1) Giọng lười hạng đàn bà lẳng lơ, vô hạnh.

(2) Túc nhập đồng "cậu"

(3) Tác giả vạch trần bản chất dâm dăng của sư và các ả đồng.

Than sự thi

Cử nhân: cậu ấm Kỉ ,
Tú tài : con đô Mĩ (1)
Thi thế mà cũng thi !
 ới khỉ ới là khỉ !

(1) ấm Kỉ và con của đô lại Mĩ, đều là kẻ dốt nát, vì đút tiền được đỗ.

Năm mới

Khéo bảo nhau rằng: mới với me
Bảo ai rằng "cũ", chẳng ai nghe.
Khăn là bác nọ to tày rế
Váy lĩnh cô kia quét sạch hè.
Công đức tu hành sư cũng lọng
Xu hào rủng rỉnh, Mán ngồi xe. (1)
Chẳng phong lưu cũng ba ngày tết,
Kiết cú như ta cũng rượu chè !

(1) Mán: một anh chuyên nghề gánh thuê, vậy mà tết lại... ngồi xe hàng.

Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu (1897)

Nhà nước ba năm mở một khoa
Trường Nam thi lẫn với trường Hà (1)
Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ
Ậm ọe quan trường miệng thét loa.
Cờ kéo rợp trời, quan sứ đến
Váy lê quét đất, mụ đầm ra.
Nhân tài đất Bắc nào ai đó ? (2)
Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà !

(1) Khoa thi năm 1897.

(2) Có bản chép "Sao không nghĩ đến điều tu sĩ ?".

Giễu người thi đỗ

Một đàn thằng hỏng đứng mà trông,
Nó đỗ khoa này có sướng không !
Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt,
Dưới sân, ông cử ngỏng đầu rồng.

Khoa Canh Tý⁽¹⁾

Hai đứa tranh nhau cái thủ khoa ;
Tuân khoe văn hoạt, Nghị văn già (2)
Năm nay đỗ rất phường hay chữ,
Kìa bác Lê Tuyên cũng thứ ba! (3)

(1) Khoa thi năm 1900.

(2) Vũ Tuân đỗ đầu, Lê Sĩ Nghị đỗ thứ hai.

(3) Lê Tuyên, một ông sức học rất kém.

Bác cử nhu

Sơ khảo khoa này, bác cử Nhu (1)
Thực là vừa dốt lại vừa ngu (2)
Văn chương nào phải là đơn thuốc !
Chớ có khuyên xằng, chết bỏ bu ! (3)

(1) Cử Nhu, con một nhà bán thuốc bắc, học lực tầm thường, nhưng có bằng cử nhân, được cử làm chủ kì thi sơ khảo trường thi Nam Định khoa canh tí (1900).

(2) Có bản chép "sách như hũ nút, chữ như mù".

(3) "Khuyên" tức dùng bút đỏ khuyên một vòng ở câu vẽ ã hay. Nhà hàng thuốc bắc cũng có kiểu đánh dấu vào đơn thuốc lúc bốc thuốc. Tác giả chế giễu ông bán thuốc bắc chấm bài thi.

Ông cử Ba

Cửa Vũ, ba nghìn sóng nhảy qua (1)
Ai ngờ mũ áo đến... ba ba (2)
Đầu như lơn đất mà không lấm (3)
Thân tựa xà hang cũng ngó ra (4)
Dưới nước chẳng ưa, ưa trên cạn
Đất sét không ăn, ăn thịt gà !
Tuy rằng cổ rụt mà không ngỏng
Hễ cần ai thì sét mới tha ! (5)

- (1) Vượt qua được cửa Vũ Môn (cá chép hoá rồng, thí sinh thi đỗ).
(2) Tác giả chơi chữ : "cử Ba" và "con ba ba". Đáng lẽ mũ áo chỉ đến với cá chép, đã hoá rồng, nhưng bây giờ lại ban cho .. . "ba ba".
(3) Do câu "thân lơn bao quản lấm đầu".
(4) Rắn núp trong hang ngó ra, vênh váo.
(5) Người ta bảo tính con ba ba rất ác, hễ cần ai thì phải có tiếng sấm sét mới chịu nhả. Đây nói cử Ba rất tàn ác với dân.

Ông tiến sĩ mới

Tiến sĩ khoa này đỗ mấy người ?
Xem chừng hay chữ có ông thôi !
Nghe văn mà gớm cho văn nhỉ (1)
Cờ biển vua ban cũng lạ đời !

(1) Có bản chép "cho ông mãi".

Không học vần Tây

Mợ bảo vần Tây (1) chẳng khó gì !
Cho tiền đi học để chờ thi.
Thôi thôi lạy mợ "xanh cẳng" lạy. (2)
Mả tổ tôi không táng bút chì !

(1) Vần Tây : chữ quốc ngữ.

(2) Xanh cẳng : 50 (tiếng Pháp).

Đổi thi

Nghe nói khoa này sắp đổi thi
Các thầy đồ cổ đồ mau đi !
Dầu không bia đá còn bia miệng
Vứt bút lông đi, giắt bút chì !

Ông cử thứ năm

Ông cử thứ năm, con cái ai? (1)
Học trò quan đốc Tả Thanh Oai.
Nghe tin, cụ cố cười ha hả
Vứt cả dao cầu xuống ruộng khoai !
Thứ năm, ông cử ai làm nổi,
Học trò quan đốc tỉnh Hà Nội ?
Nghe tin, bà cố cười khì khì
Đổ cả riêu cua xuống vũng lội! (2)

(1) Ông cử này bố là ông lang, mẹ bán bún riêu, may đồ cao (thứ năm), thực học cũng xoàng,

(2) Trong bài này, Tú Xương đã phá phách niêm luật thơ Đường, tạo nên một "ai " rất mới.

Mừng ông lang

Làm thuốc như ông cũng có tài
Thực là chăm chỉ lại lành trai.
Phen này mồ mả nhà ta phát :
Thi cử, hai con đỗ cả hai! (1)

(1) Trong đó có ông cử Ba (Tức cử Nhu)

Mừng ông cử lấy vợ kề

Một sớm ơn vua chiếm bảng vàng
Lam Kiều lối cũ lại lần sang.
Câu văn Hán, Tống hay ghê gớm
Quyển truyện Phan Trần (1) thuộc cháo chan.
Gỗ tốt nữ đem trồng cột giậu,
Chim khôn sao khéo đậu nhà quan !
Làng nho ai lại hơn ông nhỉ ?
Có lẽ ông nay sướng nhất làng !

(1) Truyện phong tình

Câu đôi mừng ông phó Huyện (1)

Lão chữa già đâu, nghiêng ngửa vì ai nên tóc bạc,
Xuân sao trẻ mãi, xoay vần như thế vẫn đào non ?

(1) Một người bà con nhà thơ, tuổi đã già mà lấy một bà vợ trẻ nên phải "nghiêng ngửa" chiều vợ. Câu dưới vừa tả cái "xuân tái lai" của phó Huyện, vừa tả cái "xuân tình" của người vợ trẻ thật thần tình (đặc biệt là thâm ý của các từ "xoay vần" và "đào non").

Kể lai lịch (1)

Cũng vông cũng dù
Cũng hèo cũng quắt (2)
 ăn, cậu cũng "thời"
Ngủ, bà cũng "giấc" (3)
 Tháng rét quạt lông
 Mùa hè bít tất.
Tráp tròn sơn đỏ, bà quyết theo trai ;
 Điều ống xe dài, cậu đành lễ phật.
Tai gài ngọn bút, anh kia dòng tịch sĩ xuất thân ; (4)
Lưng giắt thẻ bài, chú nọ loại lính tuần được đất. (5)
Hai cậu con đóng vai ấm tử, lối bếp bồi cậu cũng như nhau
Đôi đúc bà lên mặt phu nhân, ngón dĩ thoã bà nào cũng nhất .
Nhất tắc mộ sư mô chi cực, (6) nay chùa này mai chùa khác,
 mở lòng từ tô tượng đúc chuông ;
Nhất tắc ham chài lái chi khu (7), lên mảnh nọ xuống mảnh kia,
 che miệng thế đông dầu rót mật.
 Thế mà
 Bà vẫn nghênh ngang,
 Cậu càng phong vận.
 ý hản cậu còn tuổi trẻ, tính hầy thơ ngây ;
 Quái thay bà đã về già, cũng còn lần thẩn . . .

(1) Hai nữ nhân vật thành Nam, vợ các quan lớn, goá chồng, thường ăn diện rất xa hoa và cho con trai cũng ăn diện như thế. Hai bà này

có tính cách và nhiều hành vi giống với bà Phó Đoan (Số đỏ).

(2) Hèo, quắt : trang bị của lính hầu kiêu.

(3) Lối nói "sang" của giới quý tộc.

(4) Tịch sĩ: nho sĩ .

(5) ý nói ông quan xuất thân chỉ là lính tuần.

(6) Mộ sư mô chi cực : "rất mực mộ sư mô". Tác giả chơi chữ : "cực" để đọc trệch . . .

(7) Khu, cũng để đọc trệch.

Đề vợ chơi nhăng

Thọ kia mày có biết hay chẳng ?
Con vợ mày kia, xiết nói năng !
Vợ đẹp, của người không giữ được,
Chồng ngu, mượn đứa để chơi nhăng.
Ra đường đáng giá người trinh thực
Trong dạ sao mà những gió trăng ?
Mới biết hồng nhan là thế thế.
Trăm năm trăm tuổi lại trăm thề !

Mẹ vợ với chàng rể

Ai về nhắn bảo việc này cho :
Nhắn bảo ai rằng việc nhớ to! (1)
Chép miệng, bà nuôi to cái đại,
Phờ râu, ông rể ẵm con so !
Cắm sào sâu quá nên thêm khổ, (2)
Néo chặt dây vào hoá phải lo.
Vẫn biết sống lâu nhiều sự lạ
Tử qui thất lại một "con cò". (3)

- (1) Chuyện mẹ vợ và con rể tư thông đến có con.
(2) Cắm sào sâu khó nhổ (tục ngữ) : quá thân thiết.
(3) Tử qui : thác về. ý câu : Rốt cuộc chết vì một "con cò".

Phòng không (1)

Em giận thân em mãi chữa chồng,
Ngày năm bảy mỗi tối nằm không.
Thiếu gì chốn ấy sâu trâu vò
Mà lại nơi kia rấm côm hồng,
"Hầu lố" khách đà ba bảy chú,
"Mét xì" Tây cũng bốn năm ông.
ép dầu ép mỡ, duyên ai ép ?
Có mấn may ra đã bế bông (2)

(1) Bài thơ nói về một cô gái vừa kiêu điệu với mọi người theo đuổi mình, lại vừa thích quan hệ lãng nhãng với bọn "Tây Tàu", rốt cuộc phải chịu cảnh "phòng không".

(2) ý nói : chưa có bế bông chỉ vì .. . không mấn.

Cô Tây đi tu

Rút cái mề đay ném xuống sông
Thôi thôi tôi cũng "mét xì" ông !
Âu đành chùa đó, âu đành phật
Cũng chẳng con chi, cũng chẳng chồng.
Chớ thấy câu kinh mà mặc kệ
Ai ngờ chữ "sắc" hoá ra "không" ! (1)
Tôi đây cũng muốn như cô nhỉ
Cái nợ trầu duyên rũ chữa xong. (2)

(1) ý nói : có hoá thành không.

(2) ý nói : chưa dứt được nợ vợ chồng đã cưới nhau từ trước.

Bẽn ông ắm Diêm

Tôi hỏi thăm ông đến tận nhà
Trước nhà có miếu, có cây đa.
Cửa hè sân ngõ chừng ba thước,
Nửa lá tre pheo đủ một toà.
Mới sáu bận sinh đà sáu cậu,
Trong hai dinh ở, có hai bà.
Trông ông mốc thếch như trăn gió
Ông được phong lưu tại nước da. (1)

(1) Bài thơ chế giễu một hạng người sống rất tửu mỗ vô nghĩa.

Nhà nho giả danh

Hỏi thăm quê quán ở nơi mô ?
Không học mà sao cũng gọi "đồ" ?
ý hẩn người yêu mà gọi thế,
Hay là mẹ đẻ đặt tên cho ?
áo quần đình đảo trông ra "cậu".
ăn nói nề nhàn khác giọng ngô. (1)
Hỏi mãi mới ra thằng bán sắt,
Mũi nó gồ gồ, trán nó giô.

(1) Anh ta nói giọng lơ lơ như Hoa Kiều.

Phố Hàng Song

ở phố Hàng Song(1) thật lắm quan,
Thành thì đen kịt, đốc thì lang (2)
Chồng chung vợ chạ, kìa cô Bó
Đậu lạy quan xin, nọ chú Hàn.

(1) Thuộc Nam Định, nối liền với phố Hàng Nâu Tú Xương ở.

(2) Thành : viên phòng thành. Đốc : viên đốc học, có nhiều vết lang trên mặt.

Ông cò

Hà Nam, danh giá nhất ông cò (1)
Trông thấy ai ai chẳng dám ho.
Hai mái trống toang đành chịu dột (2)
Tám giờ chuông đánh phải nằm co. (3)
Người quên mất thẻ âu trời cãi,
Chó chạy ra đường có chủ lo. (4)
Ngớ ngẩn đi xia, may vớ được
Chuyến này ắt hẳn kiếm ăn to ! (5)

(1) Ông cò : viên cảnh sát (cầm Tây).

(2) Vì muốn lợp nhà phải xin phép lòi thôi.

(3) Phép thiết quân luật : từ 8 giờ tối không ai được ra đường.

(4) Không mang thẻ thân, để chó chạy ra đường đều bị phạt nặng.

(5) Bắt được kẻ đi xia để phạt, tức .. kiếm ăn to !

Cô hầu trách quan lớn

Chỉ trách người sao chẳng trách mình?
Mình trung đâu đấy, trách người trinh? (1)
áo dầy cơm nặng bao nhiêu đĩa?
Chiếu cạnh giường bên, mấy hột tình ?
Tơ tóc nổi riêng thì xét nét
Giang sơn nghĩa cả nữ mần thình! (2)
Cổ cong mặt lệnh, người đâu thế? (3)
Cái cóc bôi vôi khéo đại hình!

(1) Một viên quan vì giỏi nịnh Tây mà có địa vị, đuổi một cô hầu vì cho cô lẳng lơ.

(2) Tác giả mượn lời cô hầu để vạch mặt viên quan này quên đất nước.

(3) Cổ bự như cái cong đựng nước, mặt to như cái lệnh làng : hạng người bị thối thô bỉ.

Hót của trời

Nó rủ nhau đi hót của trời (1)
Đang khi trời ngủ, của trời rơi.
Hót mau kéo nữa kinh trời dậy
Trời dậy thì bay chết bỏ đời!

(1) Bọn quan lại vợ vét của dân.

Ngày xuân của làng thơ

Ngày ba tháng tám thấy đâu mà ?
Sao đến ngày xuân lắm thế a?
ý hẳn thịt xôi lèn chặt dạ
Cho nên "con tự" mới thòi ra? (1)

(1) Thơ châm biếm hội "Tao đàn" do các nhà nho ở Nam Định lập ra, hằng năm cứ đầu xuân lại họp nhau làm thơ, và chèn chén là chính - Thơ họ được tác giả ví với thứ "thòi ra" sau khi "lèn chặt dạ" !

Năm mới chúc nhau

Lẳng lẳng mà nghe họ chúc nhau
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.
Phen này ông quyết đi buôn cối
Thiên hạ bao nhiêu đứa giã trầu
Lẳng lẳng mà nghe nó chúc sang
Đứa thì mua tước đứa mua quan.
Phen này ông quyết đi buôn lọng
Vừa chửi vừa rao cũng đắt hàng.
Nó lại chúc nhau cái sự giàu,
Trăm nghìn vạn mớ để vào đâu ?
Phen này ắt hẳn gà ăn bạc
Đồng rụng đồng rơi lọ phải cầu ?
Nó lại mừng nhau có lắm con
Sinh năm đẻ bảy được vuông tròn
Phổ phường chật hẹp người đông đúc
Bồng bế nhau lên nó ở non.
Bắt chước ai ta chúc mấy lời:
Chúc cho khắp hết cả trên đời
Vua, quan, sĩ, thứ người trong nước
Sao được cho ra cái giống người! (1)

(1) Đoạn cuối này, có người bảo không phải thuộc nhà thơ, mà do người khác ghép vào. Nhưng theo tôi, chính đoạn này mới "nặng cân"; Tú Xương phát biểu quan điểm của mình ; Và ngoài ông, không

ai có được cái khẩu khí ngang tàng "coi trời bằng vung" như vậy.
Nó tương đương với 2 câu sau :
Nhân tài đất Bắc nào ai đó
Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.

Xuân

Xuân từ trong ấy mới ban ra (1)
Xuân chẳng riêng ai, khắp mọi nhà.
Đì đẹt ngoài sân tràng pháo chuột
Loẹt loẹt trên vách, bức tranh gà.
Chí cha chí chất khua giày dép
Đen thủi đen thui cũng lượt là.
Dám hỏi những ai nơi cổ quận (2)
Rằng xuân xuân mãi thế ru mà ?

(1) Trong ấy : Trong kinh đô Huế (vua làm lễ rồi ban lệnh dân đón xuân).

(2) Cô quận : non nước cũ.

Hát tuồng

Nào có ra chi lũ hát tuồng! (1)
Cũng hò cũng hét cũng y uông;
Dẫu rằng dối được đàn con trẻ
Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng buồn! (2)

(1) ám chỉ bọn người tấp tễnh ra làm việc cho thực dân Pháp.

(2) Mặt bôi vôi : nghĩa đen là hoá trang mặt, nghĩa bóng là bôi gio trát trấu lên mặt.

Phường nhơ (1)

Bấy lâu chơi với rặt phường nhơ
Quen mắt ưa nhìn chả biết dơ.
Nào sọt nào quang nào bộ gấp,
Đứa bưng đứa hót, đứa đang chờ.
Mình hôi mũi ngạt không kì quản
áo ẩm cơm no vẫn nhớn nhơ.
Ngán nỗi hàng phường khi cũng tẻ
Vẽ ông ôm đít để lên thờ! (2)

(1) Bài này tác giả viết nhân Vũ Tuân đang cày cục Hoàng Cao Khải để được chân hậu bổ.

Phường nhơ : nghĩa đen chỉ những người đi lượm phân, nghĩa bóng chỉ bọn quan lại mưu bồng lộc nhơ bẩn.

(2) Tức "thần tượng" để tế cúng của "phường nhơ".

NGUYỄN KHUYẾN

Lúc hứng uống thêm dăm chén rượu
Khi buồn ngâm lão một câu thơ
Bạn già lớp trước nay còn mấy?
Chuyện cũ mười phần chín chẳng như

(Nguyễn Khuyến)

Thơ Nôm

Về hay ở

Văng vẳng tai nghe tiếng chích chòe
Lặng đi kéo động khách lòng quê.
Nước non có tớ càng vui vẻ,
Hoa nguyệt nào ai đã đắm mê?
Quyên đã gọi hè quang quác quác,
Gáy từng gáy sáng tẻ tẻ te.
Lại còn giục già về hay ở?
Đôi gót phong trần vẫn khỏe khoe.

Trở về vườn cũ

Vườn Bùi (1) chôn cũ,
Bốn mươi năm lụ khụ lại về đây.
Trông ngoài sân đua nở mấy chồi cây,
Thú khâu hác lâm tuyền (2) âu cũng thế.
Bành Trạch (3) cầm xoang ngâm trước ghế,
Ôn công (4) rượu nhạt chuốc chiều xuân.
Ngọn gió đông ngảnh lại lệ đầm khăn
Tính thương hải tang điền qua mấy lớp?
Ngươi chớ giận Lỗ Hâu (5) chẳng gặp.
Như lơ phơ tóc trắng lại làm chi
Muôn về sao chẳng về đi?

(Tác giả tự dịch bài Bùi viên cựu trạch ca)

(1) Vườn Bùi: Thôn Vị Hạ, xã Yên Đỗ, nay là xã Trung Lương, huyện Bình Lục (Nam Hà) quê hương Nguyễn Khuyển.

(2) Khâu hác: gò và khe; Lâm tuyền: rừng và suối.

(3) Bành Trạch: tên một huyện cũ thuộc tỉnh Giang Tây (Trung Quốc).

(4) Ôn công: tức Tư Mã Quang, khi cáo quan về ở ẩn chỉ uống rượu tiêu sầu.

(5) Lỗ Hâu: tức Lỗ Bình Công.

Uống rượu ở vườn Bùi

Tuý Ông (1) ý chẳng say về rượu,
Say vì đâu, nước thả với non cao.
Non lặng ngắt, nước tuôn ào,
Tôi với bác xưa nay cùng thích thế.
Đời trước thánh hiền đều vắng vẻ,
Có người say rượu tiếng còn nay.
Cho nên say, say khướt cả ngày,
Say mà chẳng biết rằng say ngã đùng.
Chu Bá Nhân (2) thuở trước sang sông.
Chỉ tỉnh rượu ba ngày không phải ít.
Kêu gào thế cười chi cho mệt,
Chớ buồn chi nghe tiếng hát làng say
Xin người gắng cạn chén này.

(Tác giả tự dịch bài "Bùi viên đối ẩm" trích cú ca)

(1) Tuý Ông: "Ông say" tên hiệu của Âu Dương Tu đời Tống.

(2) Chu Bá Nhân: Chu Nghị.

Nghe hát đêm khuya

Một khúc đêm khuya tiếng đã chầy,
Nửa chen mặt nước, nửa từng mây.
Nghĩ mình vườn cũ vừa lui bước,
Ngán kẻ phương trời chẳng dứt dây.
Bẻ liễu thành Đài thoi cũng xếp, (1)
Trồng lan ngõ tối ngát nào hay?
Từ xưa mặt ngọc ai là chẳng,
Chén rượu bên đèn luống tỉnh say.

(1) Bẻ liễu thành đài: tác giả dẫn điển Hán Hoàn đời Đường, lấy một danh sĩ là Liễu thị ở phố Chương Đài, Trường An, sau đi làm quan xa, để liễu thị ở lại đó ba năm, không đón đi được, nên làm bài "Chương Đài liễu" để tham.

Tự trào

Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang,
Chẳng gầy, chẳng béo chỉ làng nhàng,
Cờ đương dở cuộc không còn nước,
Bạc chữa thâm canh đã chạy làng.
Mở miệng nói ra gân bát sách,
Mềm môi chén mãi tít cung thang.
Nghĩ mình lại gớm cho mình nhĩ,
Thế cũng bia xanh, cũng bả vàng.

Tự thuật

Tháng ngày thấm thoát tựa chim bay,
Ông ngấm mình ông, nghĩ cũng hay.
Tóc bạc bao giờ không biết nhỉ?
Răng long ngày trước hãy còn đây.
Câu thơ được chữa, thưa rằng được.
Chén rượu say rồi, nói chữa say.
Kẻ ở trên đời lo lắng cả,
Nghĩ ra ông sợ cái ông này.

Ngày xuân dặn các con

Tuổi thêm, thêm được tóc râu phờ,
Nay đã năm mươi có lẽ ba.
Sách vở ích gì cho buổi ấy,
áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già.
Xuân về ngày loạn càng lơ lảo,
Người gặp khi cùng cũng ngất ngơ.
Lẩn thẩn lấy chi đèn tác bóng,
Sao con đàn hát vẫn say sưa?

(Tác giả tự dịch bài "Xuân nhật thị chư nhi")

Lên lão

Ông chẳng hay ông tuổi đã già,
Năm lẫn ông cũng lão đây mà.
Anh em làng xóm xin mời cả,
Xôi bánh, trâu heo cũng gọi là.
Chú Đáo bên làng lên với tớ,
Ông Từ xóm chợ lại cùng ta.
Bây giờ đến bậc ăn dưng nhỉ, (1)
Có rượu thời ông chống gậy ra.

(1) ăn dưng: ăn không.

Ông phỗng đá

Ông đứng làm chi đó hỡi ông?
Trơ trơ như đá, vững như đồng.
Đêm ngày gìn giữ cho ai đó?
Non nước đầy vơi có biết không.

Ông phỗng đá

Người đâu tên họ là gì?
Khéo thay chích chích chi chi (1) nực cười.
Dang tay ngửa mặt lên trời,
Hay còn lo tính sự đời chi đây?
Thấy phỗng đá lạ lòng muốn hỏi.
Cớ làm sao len lỏi đến chi đây?
Hay tưởng trông cây cỏ nước non này,
Chí cũng rắp đan tay vào hội lạc (2)
Thanh sơn tự tiểu đầu tương hạc,
Thượng hải thủy tri ngã diệc âu. (3)
Thôi cũng đừng chấp chuyện đâu đâu,
Túi vũ trụ mặc đàn sau gánh vác.
Duyên hội ngộ là duyên tuổi tác,
Chén chú, chén anh, chén tôi, chén bác,
Cuộc tỉnh say, say tỉnh một vài câu.
Nên chăng đá cũng gật đầu!

(1) Chích chích chi chi: ngây ngô, khờ khạo.

(2) Hội lạc: một hội hưởng vui của một số nhà thơ về đời Tổng.

(3) Câu này và câu trên ý nói: ta tự cười đầu đã bạc phơ như đầu chim hạc trong chốn núi xanh, ai có hay đâu ta cũng như con chim âu, ung dung nơi bãi biển xanh.

Lời gái góa

Chàng chẳng biết gái này gái goá,
Buồn nằm sông, sông cả áo cơm.
Khéo thay cái mụ tá ươm. (1)
Đem chàng trẻ tuổi ép làm lúa đôi.
Chàng tuổi trẻ chơi bời quên nhọc,
Gái già này sức vóc được bao?
Muốn sao, chiều chẳng được sao.
Trước tuy sum họp, sau nào được lâu?
Lấy chồng vốn nhờ câu ăn mặc,
Chẳng ngờ rằng đói rách hổ người;
Vốn xưa cha mẹ dặn lời,
Tư hôn (2) lại phải kẻ cười người chê.
Hỡi mụ hỡi, thương chi thương thế?
Thương thì hay, nhưng kẻ chẳng hay.
Thương thì gạo vãi cho vay,
Lấy chồng thì gái goá này xin van!

(Tác giả tự dịch bài "Li phụ hành")

1. Mụ tá ươm: chỉ người mai mối.
2. Tư hôn: chỉ người con gái chôn nhà đi theo trai.

Anh giả điếc

Trong thiên hạ có anh giả điếc,
Khéo ngơ ngơ ngác ngác, ngờ là ngây!
Chẳng ai ngờ "sáng tai họ, điếc tai cày",
Lối điếc ấy sau này em muốn học.
Toạ trung đàm tiếu, nhân như mộc
Dạ lí phan viên, nhĩ tự hầu. (1)
Khi vườn sau, khi ao trước; khi điều thuốc, khi miếng trầu.
Khi chè chuyên năm bảy chén, khi Kiều lấy một đôi câu;
Sáng một chốc, lâu lâu rồi lại điếc
Điếc như thế ai không muốn điếc?
Điếc như anh dễ bắt chước ru mà!
Hỏi anh, anh cứ ậm à.

1. Hai câu chữ Hán ý nói: khi mọi người ngồi nói chuyện và cười cợt thì ngây ra như gỗ, nhưng đêm khuya leo trèo thì lanh lẹ như con khỉ.

Chế ông đồ Cự Lộc

Văn hay chữ tốt ra tuồng,
Văn dai như chấu, chữ vuông như hòm.
Vẽ thầy như vẽ con tôm,
Vẽ tay ngoáy cá, vẽ mồm húp tương.
Vẽ lịch sự ai bằng thầy Cự Lộc,
Vẽ cô đầu nói móc có vài câu:
Anh chẳng sang, mà cũng chẳng giàu.
Hầu bao ních, rận bâu quanh chiếu;
Khăn nhuộm lờ lờ mùi nước điều,
Nón sơn không méo cũng không tròn.
Quần vải thô, ngại giặt ngả màu son,
Giày cóc găm, nhặt dây đàn khâu lấy.
Phong lưu ấy, mà tình tính ấy,
Đến cô đầu, vẫn thấy lả lơ bông,
Xinh thay diện mạo anh hùng!

Mẹ mốc

So danh giá ai bằng mẹ Mốc,
Ngoài hình hài, gấm vóc chẳng thêm ra; (1)
Tấm hồng nhan đem bôi lấm xoá nhoà,
Làm thế để cho qua mắt tục.
Ngoại mạo bất cầu như mã ngọc,
Tâm trung thường thủ tự kiên kim (2)
Nhớ chồng con muôn dặm xa tìm,
Giữ son sắt êm đềm một tiết. (3)
Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết,
Mảnh gương trinh vàng vạc quyết không nhơ,
Đắp tai ngảnh mặt làm ngơ,
Rằng khôn cũng kệ, rằng khờ cũng thây.
Khôn kia dễ bán đại này!

1. Mẹ Mốc điên, xé quần xé áo, nên chỉ trơ có tấm thân không che đậy.
2. Câu này và câu trên đại ý nói: mặt ngoài k hông cần đẹp như ngọc, nhưng trong lòng hằng giữ bền như vàng.
3. Tiết: khí tiết.

Mừng con dựng được nhà

Nghĩ ta, ta cũng sướng ru mà,
Mừng thấy con ta dựng được nhà
Năm mới lệ thường thêm tuổi một,
Cỗ phe ngói đã chốc bàn ba. (1)
Rượu ngon đến bữa nghiêng bầu dốc,
Chữ "dại" đầu năm xỏ túi ra. (2)
Một khóm thủy tiên năm bảy cụm,
Xanh xanh như sắp thập thò hoa.

1. Bữa tiệc do phe giáp, một tổ chức nhỏ trong làng, làm lễ mừng thọ các bậc bô lão. ở đây ý nói nhà thơ cũng đã vào bậc bô lão 60 tuổi trở lên rồi.

2. ý nói ngâm vịnh nhiều.

Vịnh tiến sĩ giấy

I

Rõ chú hoa man (1) khéo vẽ trò,
Bõn ông mà lại dứt thẳng cu.
Mày râu mặt đỏ chừng bao tuổi,
Giấy má nhà bay đáng mấy xu?
Bán tiếng mua danh thầy lũ trẻ,
Bảng vàng bia đá vẫn nghìn thu.
Hỏi ai muốn ước cho con cháu,
Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu.

II

Cũng cờ, cũng biển, cũng cân đai.
Cũng gọi ông nghề có kém ai.
Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng, (2)
Nét son điểm rõ mặt văn khôi. (3)
Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ?
Cái giá khoa danh thế mới hời! (4)
Ghế treo, lọng xanh ngồi bảnh choẹ,
Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi!

1. Hoa man: người thợ làm nghề hàng mã.
2. Giáp bảng: bảng đề tên từ học vị tiến sĩ trở lên.
3. Văn khôi: đầu làng văn. ở đây chỉ người có đỗ đạt cao.
4. Hời: giá rẻ.

Lời vợ anh phường chèo

Xóm bên đông có phường chèo trọ,
Đương nửa đêm gọi vợ chuyện trò:
Rằng: "ta thường làm quan to,
Sao người coi chẳng ra trò trông chi?"
Vợ giận lắm mắng đi mắng lại:
"Tuổi đã già sao dại như ri?
Đêm hôm ai chẳng biết chi,
Người ta biết đến thiếp thì hổ thay!
ở đời có hai điều nên sợ:
Sống chết người, quyền ở trong tay.
Thế mà chàng đã chẳng hay.
Còn ai sợ đến phường này nữa chẻ ^đng?
Vả chàng vẫn lẳng nhăng túng kiết,
Cuộc sinh nhai chèo hát qua thì,
Vua chèo còn chẳng ra gì,
Quan chèo vai nhỏ (1) khác chi thằng hề".

1. Vai nhỏ: người đóng trò bôi mặt lem nhem.

Bồ tiên thi (1)

Chú huyện Thanh Liêm khéo giở trò,
"Bồ tiên thi" lại lấy vắn bờ.
Nghênh ngang võng lọng nhờ ông sứ,
Ngọng nghẹo văn chương giở giọng ngô.
Bồ chứa miệng dân chừng bật cạp,
Tiên (2) là ý chú muốn vùi xu!
Từ vàng sao chẳng luôn từ bạc,
Không khéo mà roi nó phết cho.

1. Bồ tiên: cái roi bằng cỏ bồ mà Lưu Khoan, một ông quan đời Hán nổi tiếng nhân từ, dùng để đánh tội nhân. Dựa vào điển này, tên tri huyện đã mở cuộc thi thơ và ra đầu đề là "bồ tiên thi" ngầm ý khoe mình là người biết thương dân.

2. Tiên: "tiên" nghĩa là cái roi, đồng âm với chữ "tiên" nghĩa là đồng xu.

Vịnh núi An Lão

Mặt nước mênh mông nổi một hòn,
Núi già nhưng tiếng vẫn còn non, (1)
Mảnh cây thưa thớt đầu như trọc,
Ghềnh đá long lanh ngấn chứa mòn.
Một lá (2) về đâu xa thăm thẳm,
Nghìn nhà trông xuống bé con con.
Dấu già đã hằn hơn ta chữa?
Chống gậy lên cao gối chẳng chồn!

1. Tác giả chơi chữ, tên núi là An Lão (lão: già) nhưng người ta thường nói "núi non".
2. Lá: con thuyền

Nhớ cảnh chùa Đọi

Già yếu xa xôi bấy đến nay,
Làng chơi loáng thoáng lại buồn thay!
Chùa xưa ở lẫn cùng cây đá.
Sư cụ nằm chung với khói mây
Dặm thế ngô đâu tầng trúc ấy,
Thuyền ai khách đợi bến đâu đây?
Chuông trưa vắng tiếng người không biết,
Trâu thả sườn non ngủ gốc cây.

(Tác giả tự dịch bài "ức Long Đọi Sơn")

Chợ Đồng

Tháng chạp hai mươi bốn chợ Đồng,
Năm nay chợ họp có đông không?
Dở trời, mưa bụi còn hơi rét.
Ném rượu, tường đèn (1) được mấy ông?
Hàng quán người về nghe xáo xác,
Nợ nần năm hết hỏi lung tung.
Dăm ba ngày nữa tin xuân tới.
Pháo trúc (2) nhà ai một tiếng đùng.

1. Chợ Đồng họp ngay ở bên cạnh một ngôi đền. Xung quanh đền lại đắp tường đất dày bao bọc, gọi là tường đèn.
2. Pháo trúc: trúc đốt trong lửa, có tiếng nổ to.

Chơi chợ trời Hương Tích

Ai đi Hương Tích chợ trời đi!
Chợ họp quanh năm cả bốn thì.
Đổi chác người tiên cùng khách bụi,
Bán buôn gió chị lại trăng dì.
Yến anh chào khách nhà mây tỏa,
Hoa quả bày hàng điểm cỏ che.
Giá áo, lợn, tầm, tiền, gạo đủ.
Bán mua mặc ý muốn chi chi.

Chơi núi Non Nước (1)

Chom chồm trên sông đá một hòn,
Nước trôi sóng vỗ biết bao mòn?
Phơ đầu đã tự đời Bàn Cổ, (2)
Bia miệng còn đeo tiếng trẻ con.
Rừng cúc tiền triều (3) trơ mốc thếp,
Hòn câu Thái phó (4) tảng rêu tròn.
Trải bao trăng gió xuân già giặn,
Trời dẫu già, nhưng núi vẫn non.

1. Núi Non Nước, một thắng cảnh nằm ven bờ sông Đáy ở thị xã Ninh Bình.
2. Bàn Cổ: Ông Bàn Cổ sinh từ lúc mới có trời đất.
3. Tiền triều: triều vua thời trước.
4. Hòn câu thái phó: tảng đá mà thái phó Trương Hán Siêu đã ngồi câu cá.

Than mùa hè

Tháng tư đầu mùa hạ,
Tiết trời thực oi ả,
Tiếng dế kêu thiết tha,
Đàn muỗi bay tơ tã.
Nỗi ấy ngổ cùng ai,
Cảnh này buồn cả dạ.
Biếng nháp năm canh chầy,
Gà đã sớm giục giã.

Vịnh mùa hè

Biếng trông trời hạ nước non xa,
ý khí ngày thường nghĩ đã trơ.
Cá vượt khóm rau lên mặt nước,
Bướm len lá trúc lượn rềm thưa.
Thơ Đào (1) cửa miệng đưa câu rượu
Xóm Liễu (2) quanh khe chịu tiếng khờ.
Nhân hứng cũng vừa toan cất chén,
Sấm đông rầm rập gió nồm đưa.

(Tác giả tự dịch bài "Họ nhật ngẫu hứng")

1. Đào tức là Đào Tiềm đời Tấn.
2. Liễu Tôn Nguyên bị vua bắt tội, phải về quê, tự cho mình là ngu dại

Thu vịnh

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào. (1)

1. Ông Đào: Đào Tiềm.

Thu điều

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối, buồn cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo

Thu ẩm

Năm gian nhà cỏ thấp le te,
Ngõ tối đêm sâu đóm lập loè.
Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.
Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?
Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe.
Rượu tiếng rằng hay, hay chả mấy.
Độ năm ba chén đã say nhè.

Thầy đồ ve gái góa

Người bảo rằng thầy yêu cháu đây,
Thầy yêu mẹ cháu có ai hay!
Bắc cầu, câu cũ (1) không hờ hững,
Cầm kính, tình xưa (2) vẫn đắng cay.
ở góa thế gian nào mấy暮?
Đi ve thiên hạ thiếu chi thầy?
Yêu thầy cũng muốn cho thầy dạy,
Dạy cháu nên rồi mẹ cháu ngây.

(Tác giả tự dịch bài "Thiên sư")

1. Do câu ca dao:

"Muốn sang thì bắc cầu kiều..."

2. Do câu ca dao:

"Trách người quân tử vô tình,

Có gương mà để bên mình không soi"

ý nói: người đàn bà góa chê thầy đồ nhất gan, không dám mạnh bạo hơn trong việc ve gái.

Muôn lấy chồng

Bực gì bằng gái trực phòng không?
Tơ tưởng vì chung một tấm chồng.
Trên gác rồng mây ngao ngán đợi,
Bên trời cá nước ngẩn ngơ trông.
Mua vui, lắm lúc cười cười gượng,
Giả dại, nhiều khi nói nói bông.
Mới biết có chồng như có cánh,
Giang sơn gánh vác nhẹ bằng lông.

Mừng ông nghề mới đồ

Anh mừng cho chú đồ ông Nghè,
Chẳng đồ thì trời cũng chẳng nghe.
Ân tứ (1) dám đâu coi rẻ rúng,
Vinh quy ắt hẳn rước từng xòe.
Rượu ngon ả nọ khôn đường tránh, (2)
Hoãn (3) đẹp nàng này khó nhẽ che.
Hiển quý đến nay đà mới rõ,
Rõ từ những lúc tổng chưa đe. (4)

1. Ân tứ: ơn vua ban.
2. Câu này rút ý câu ca dao:
Em là con gái đồng trinh
Em đi bán rượu qua dinh ông nghề.
Ông nghề sai lính ra ve,
- Trăm lạy ông nghề, tôi đã có con.
- Có con thì mặc có con.
Thất lung cho giòn mà lấy chồng quan.
3. Hoãn: một loại hoa tai vàng.
4. Câu này rút ý câu tục ngữ:
Chưa đồ ông nghề đã đe hàng tổng.

Hỏi thăm quan tuần mất cướp

Tôi nghe khẻ cướp nó lên ông,
Nó lại lòi ông đến giữa đồng.
Lấy của đánh người quân tặc nhĩ!
Thân già da cóc có đau không?
Bây giờ mới khẻ sầy da trán,
Ngày trước đi đâu mất mảy lông.
Thôi cũng đừng nên ki cóp nữa.
Kéo mang tiếng đại với phường nông!

Tặng đốc Hà Nam

Ai rằng ông đại với ông điên,
Ông đại sao ông biết lấy tiền?
Cậy cái bảng vàng treo nhị giáp,
Khoét thằng mặt trắng (1) lấy tam nguyên (2)
Dấu nhà vừa thoát sừng trâu đỏ,
Phép nước xin chữa móng lợn đen (3)
Chỉ cốt túi mình cho nặng chắt,
Trăm năm mặc kệ tiếng chê khen.

1. Thằng mặt trắng: do câu "Bạch diện thư sinh" chỉ người học trò.
2. Tam nguyên: ba đồng bạc; còn đồng âm với chữ "Tam nguyên" là đỗ đầu luôn ba khoa: thi hương, thi hội và thi đình.
3. Móng lợn đen: ám chỉ việc ông đốc học này đã có lần bị Tây đá dít.

Đĩ cầu Nôm (1)

Thiên hạ bao giờ cho hết đĩ?
Trời sinh ra cũng để mà chơi!
Đẽ mấy khi làm đĩ gặp thời,
Chơi thủng trống long dùi âu mới thích
Đĩ bao tử càng chơi càng lịch,
Tha hồ cho khúc khích chị em cười:
Người ba đấng, của ba loài,
Nếu những như ai thì đĩ mốc.
Đĩ mà có tàn, có tán, có hương án, có bàn độc (2)
Khá khen thay làm đĩ có tông (3)
Khắp giang hồ chẳng chốn nào không.
Suốt Nam Bắc Tây Đông đều biết tiếng.
Đĩ mười phương chơi cho đủ chín,
Còn một phương để nhịn lấy chồng.
Chém cha cái kiếp đào hồng, (4)
Bạn với kẻ anh hùng cho đứng số.
Vợ bợm, chồng quan, danh phận đó,
Mai sau ngày giỗ có văn nôm.
Cha đời con Đĩ Cầu Nôm.

1. Cầu Nôm thuộc làng Đại Đồng ở Hải Hưng.
2. Có lẽ ở đây nhà thơ nói đến Tư Hồng, một nhân vật lúc ấy làm đĩ lấy Tây.
3. Có tông: có nòi.
4. Kiếp hồng đào: Kiếp trăng hoa

Mừng đốc học Hà Nam

Ông làm đốc học bấy lâu nay,
Gần đó mà tôi vẫn chữa hay.
Tóc bạc răng long chừng đã cụ,
Khăn thâm áo thụng cũng ra thầy.
Học trò kẻ chợ trầu dấm miếng,
Khảo khóa ngày xưa quyển một chầy. (1)
Bổng lộc như ông không mấy nhỉ?
ăn tiêu nhờ được chiếc lương Tây.

1. Một chầy: tức một tiền. Ngày xưa, mỗi thí sinh khi vào nộp quyển khảo thi, phải nộp kèm theo một tiền (60 đồng kẽm).

Hội Tây

Kìa hội thăng bình (1) tiếng pháo reo:

Bao nhiêu cờ kéo với đèn treo.

Bà quan tênh nghếch xem bơi trái,

Thằng bé lom khom ghé hát chèo.

Cậy sức cây đu nhiều chị nhún,

Tham tiền cột mỡ lắm anh leo.

Khen ai khéo vẽ trò vui thế,

Vui thế bao nhiêu nhục bấy nhiêu!

1. Hội thăng bình: hội mừng được thái bình, vui vẻ. ở đây ý nói hội mừng cách mạng tư sản Pháp thành công

Hoài cổ (1)

Nghĩ chuyện đời xưa cũng nực cười,
Sự đời đến thế, thế thời thôi!
Rừng xanh núi đỏ hơn ngàn dặm,
Nước độc ma thiêng mấy vạn người.
Khoét rộng ruột gan trời đất cả,
Phá tung phen giậu hạ di (2) rồi.
Thôi thôi đến thế thời thôi nhĩ,
Mấy trắng về đâu nước chảy xuôi. (3)

1. Bài này tuy đầu đề là "hoài cổ" nhưng thực ra nhà thơ muốn nói lên cảnh thực dân Pháp bắt dân ta đi phu khai mỏ ở miền núi, đắp đường xe lửa v.v... bị chết nhiều.
2. ý nói đất nước ta.
3. ý nói: vận mệnh của đất nước hồi bấy giờ chẳng khác nào như mây trôi dạt, nước chảy xuôi.

Cuộc kêu cảm hứng

Khắc khoải đưa sầu giọng lửng lơ,
 ấy hồn Thục đế thác bao giờ?
Năm canh máu chảy đêm hè vắng,
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.
 Có phải tiếc xuân mà đứng gọi,
 Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ.
Thâu đêm rờn rã kêu ai đó.
Giục khách giang hồ dạ ngẩn ngơ

Chôn quê

Năm nay cây cấy vẫn chân thua,
Chiêm mất đặng chiêm, mùa mất mùa.
Phần thuê quan Tây, phần trả nợ,
Nửa công đứa ở, nửa thuê bò.
Sớm chưa dưa muối cho qua bữa,
Chợ búa trầu chè chẳng dám mua.
Tần tiện thế mà không khá nhỉ?
Nhờ trời rồi cũng mấy gian kho

Than nợ

Quản chi công nợ có là bao!
Nay đã nên to đến thế nào?
Lãi mẹ lãi con sinh đẻ mãi,
Chục năm chục bảy tính nhiều sao?
Ra đường kẻ cả dừng chân hỏi, (1)
Vào cửa người sang ngựa mặt chào. (2)
Quyết chí phen này trang trải sạch,
Cho đời rõ mặt cái thẳng tao.

1. Câu này ý nói: vay nợ của nhiều người nên ra đường ai gặp cũng hỏi nợ.
2. Câu này ý nói: vì có nợ nên khi vào nhà chủ nợ phải tỏ thái độ vồn vã, kính trọng.

Nước lụt Hà Nam

Quai Mễ Thanh Liêm đã lở rồi,
Vùng ta thôi cũng lụt mà thôi
Gạo dăm ba bát cơ còn kém,
Thuế một vài nguyên đáng vẫn đòi.
Tiếng sáo vo ve chiều nước vọng.
Chiếc thuyền len lỏi bóng trăng trôi.
Đi đâu cũng thấy người ta nói,
Mười chín năm nay lại cát bồi.

Vịnh lụt

Tị trước (1) Tị này (2) chục lẻ ba,
Thuận dòng nước cũ lại bao la.
Bóng thuyền thấp thoáng giờn trên vách,
Tiếng sóng long bong vỗ trước nhà.
Bắc bậc người còn chờ chúa đến, (3)
Đóng bè ta phải rước vua ra. (4)
Sửa sang việc nước cho yên ổn,
Trời đã sinh ta ắt có ta.

1. Năm Quý Tị (1893) vỡ đê Nhị Hà.
2. Năm ất Tị (1905), mười ba năm sau, lại có một trận lụt nữa.
3. ý nói: chủ nhà phải treo lên cao để tránh nước lụt.
4. ý nói: người ta phải đem đầu rau (ông núc) đặt lên bè nổi để thổi nấu. Đầu rau có nơi gọi là vua bếp

Bạn đến chơi nhà

Đã bấy lâu nay bác tới nhà.
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả, khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây ta với ta

Lục hỏi thăm bạn

Ai lên nhắn hỏi bác Châu Cầu,
Lục lội năm nay bác ở đâu?
Mấy ổ lợn con rầy lớn bé?
Vài gian nếp cái ngập nông sâu?
Phận thua suy tính càng thêm thiệt,
Tuổi cả chơi bởi họa sống lâu.
Em cũng chẳng no mà chẳng đói,
Thung thăng chiếc lá rượu lưng bầu

Tặng bà Hậu Cẩm (1)

Nghĩ xem đẹp nhất ở làng Và,
Tiếc gọi rằng già cũng chưa già
Làn sóng liếc ngang đôi mắt phượng
Tóc mây rủ xuống một đuôi gà.
Nói năng duyên dáng coi như thể...
Đi đứng khoan thai thể cũng là...
Nghe nói muốn thôi, thôi chưa được,
Được làm dơ dở đã thôi a?

(Theo tài liệu của cụ Nguyễn Khắc Thạnh và ông Bùi Văn Cường)

1. Tên thực là Lã Thị Thoan, trước lấy ông Nhiều Sinh, ông Sinh chết, bà Thoan còn trẻ lại có nhan sắc, đi lấy một tên Tây cẩm ở Nam Định. Bà ta có làm chân thu thuế trong làng một thời gian rồi xin thôi.

Lấy Tây

Con gái đời này, gái mới ngoan,
Quyết lòng ầu chiến với Tây quan.
Ba vương phát phối cờ bay dọc
Một bức tung hoành váy xắn ngang.
Trời đất khéo thương chàng bạch quỉ (1)
Giang san riêng sướng ả hồng nhan
Nghĩ càng thêm ngán trai thời loạn,
Con gái đời nay, gái mới ngoan! (2)

(1) Bạch quỉ: chỉ tên người Pháp.

(2) Tác giả tỏ thái độ chưa chát trước cảnh "lấy Tây" của gái Việt thời đó

Khóc Dương Khuê

Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.
Nhớ từ thuở đăng khoa (1) ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau;
Kính yêu từ trước đến sau,
Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?
Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,
Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo;
Có khi tầng gác cheo leo,
Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang;
Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp,
Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân,
Có khi bàn soạn câu văn,
Biết bao đông bích, điển phần (2) trước sau,
Buổi dương cửu (3) cùng nhau hoạn nạn,
Phận đấu thắng (4) chẳng dám tham trời;
Bác già, tôi cũng già rồi,
Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!
Muốn đi lại tuổi già thêm nhác,
Trước ba năm gặp bác một lần;
Cầm tay hỏi hết xa gần,
Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can,
Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,
Tôi lại đau trước bác mấy ngày;
Làm sao bác vội về ngay,
Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời.
Ai chẳng biết chán đời là phải,
Vội vàng sao đã mãi lên tiên;

Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua.
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa;
Giường kia treo (5) cũng hững hờ,
Đàn kia gãy cũng ngân nga tiếng đàn (6).
Bác chẳng ở đâu van chẳng ở,
Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương;
Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan!

(Tác giả tự dịch bài "Văn đồng niên Vân Đình tiền sĩ Dương thượng thu").

1. Đăng khoa: đi thi đỗ.
2. Đông bích điển phần: đọc sách, tra cứu.
3. Buôi dương cửu: ý nói thời gian nan.
4. Đẩu thặng: cái đấu, cái thặng, đơn vị đo lường ngày xưa. Câu này ý nói: trước cảnh đời đổi thay phải từ quan về, nhà thơ không dám tham công danh bổng lộc nữa.
5. Giường treo: Trần Phồn đời Hậu Hán, dành riêng cho bạn thân một cái giường khi bạn đến thì mời ngồi, lúc bạn về thì treo lên.
6. Câu này nhắc lại tích Bá Nha và Trung Tử Kỳ, hai bạn tri âm. Khi Chung Tử Kỳ mất thì Bá Nha đập nát cây đàn không gảy nữa

